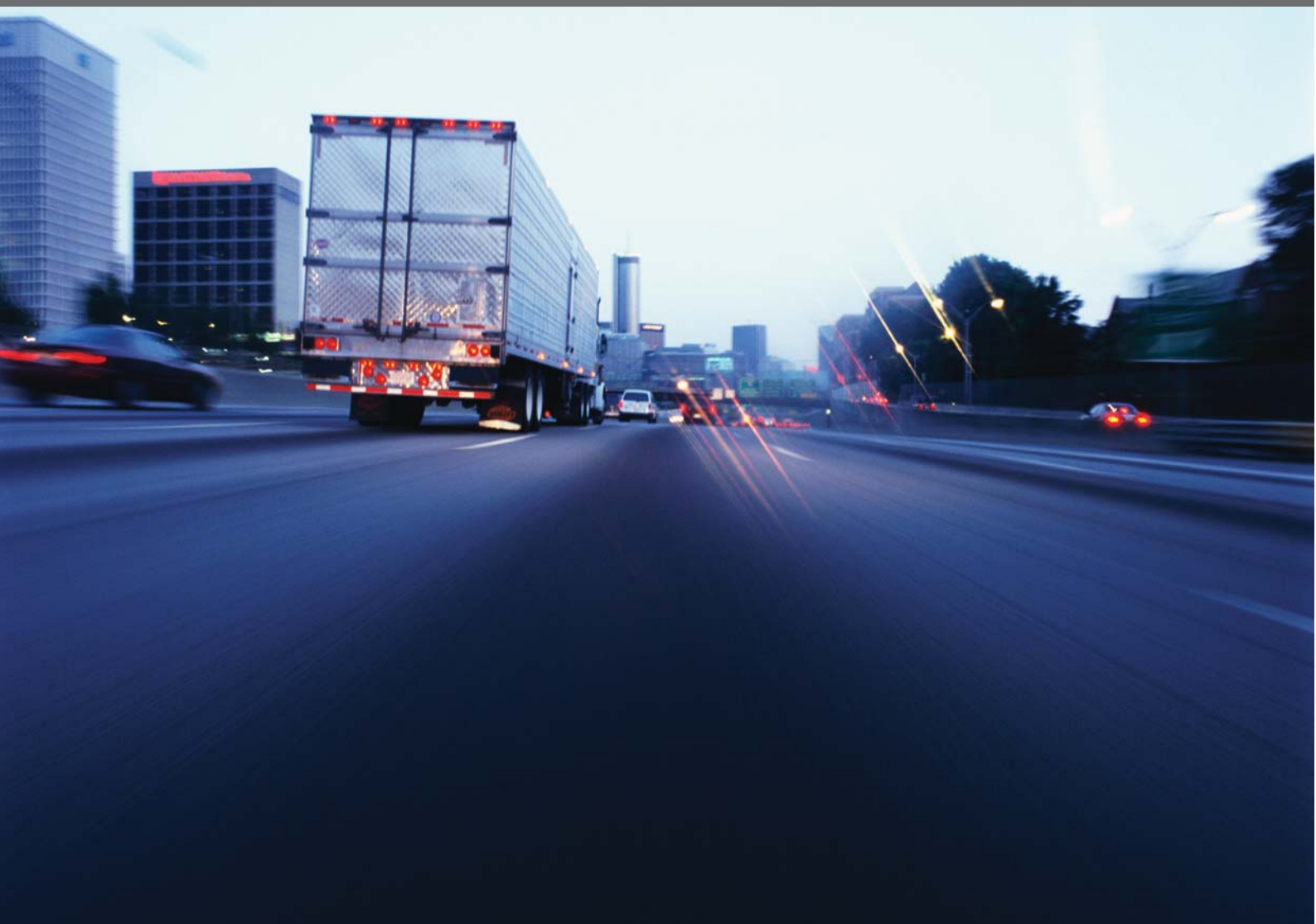




# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

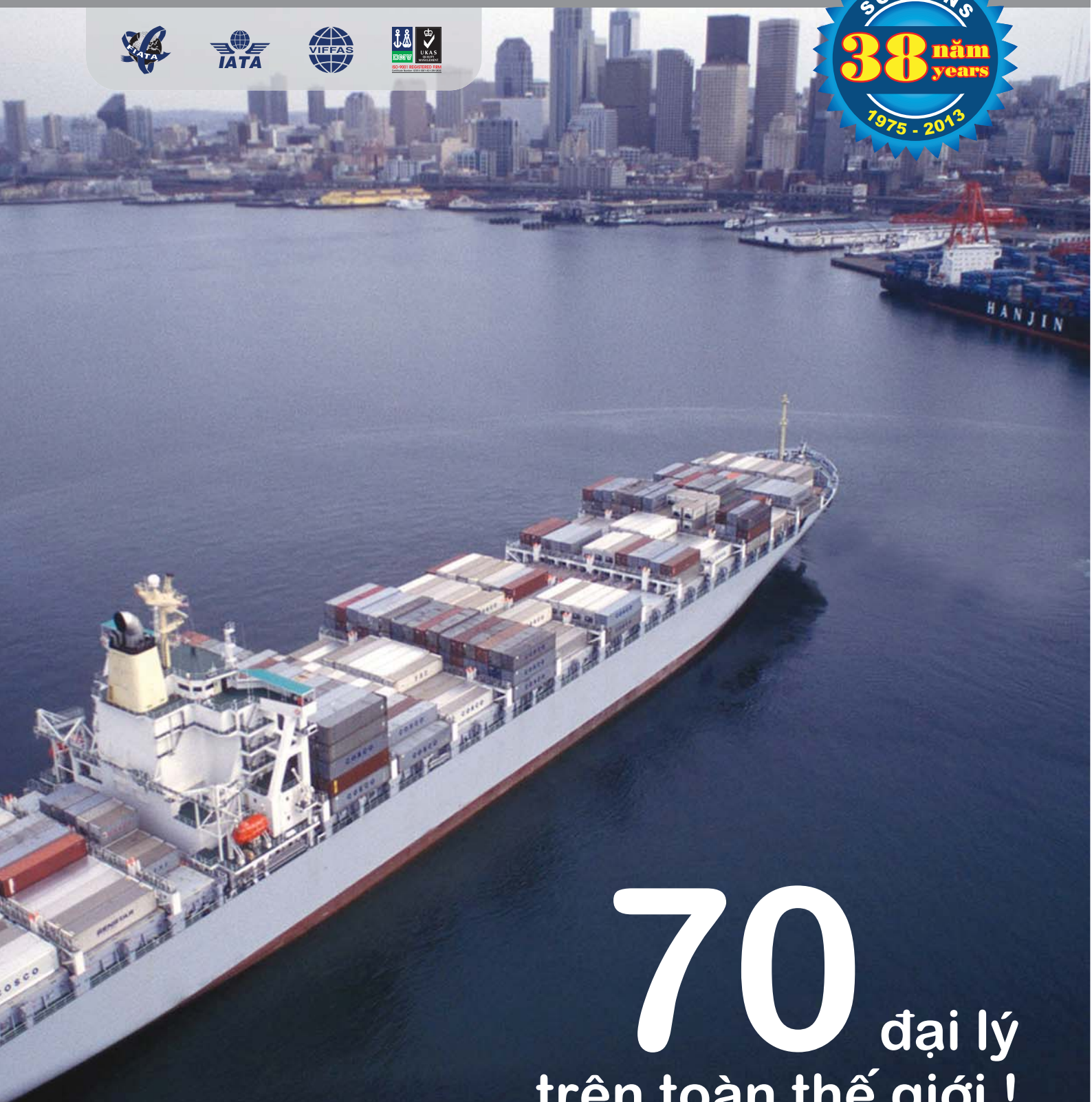
## NĂM 2012





# SOTRANS

*We make it simple !*



# 70

đại lý  
trên toàn thế giới !

[www.sotrans.com.vn](http://www.sotrans.com.vn)

# MỤC LỤC

|                                                                | Trang |
|----------------------------------------------------------------|-------|
| PHẦN I: LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.                         | 5     |
| PHẦN II: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.                        | 13    |
| PHẦN III: BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.                            | 19    |
| PHẦN IV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH.                                    | 33    |
| PHẦN V: BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN. | 42    |
| PHẦN VI: CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN.                                | 61    |
| PHẦN VII: TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.                                  | 65    |
| PHẦN VIII: THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.              | 73    |









PHẦN 1:

---

# LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## **1.1. NHỮNG SỰ KIẾN QUAN TRỌNG:**

### **1.1.1. Giới thiệu về công ty:**



Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam  
Tên Tiếng Anh : South Logistics Joint Stock Company  
Tên viết tắt : Sotrans  
Trụ sở chính : 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. HCM Chí Minh  
Điện thoại : (84.8) 3825 3009 Fax: (84.8) 3826 6593  
Email : [info@sotrans.com.vn](mailto:info@sotrans.com.vn)  
Website : [www.sotrans.com.vn](http://www.sotrans.com.vn)

CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM – SOTRANS được thành lập từ năm 1975 với hệ thống kho và vận chuyển chủ lực của ngành thương mại, đến năm 2007 SOTRANS chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần và đã hoạt động mạnh trong các lĩnh vực dịch vụ kho, kinh doanh xăng dầu, giao nhận vận tải quốc tế, cảng thông quan nội địa.

SOTRANS hiện đang là một trong những công ty hàng đầu trong ngành giao nhận vận tải quốc tế, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và dịch vụ kho tại Việt Nam. Từ năm 2010 Sotrans đầu tư phát triển Cảng Kho Vận Sotrans ICD với tổng vốn đầu tư hơn 50 tỉ đồng, hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ logistics vốn đã được khẳng định qua uy tín thương hiệu Sotrans trên thị trường. Trong tương lai SOTRANS sẽ tiếp tục phát triển đa ngành với các hoạt động kinh doanh xăng dầu, đầu tư cảng, trung tâm phân phối, hậu cần, tiếp vận, trung tâm thương mại, khách sạn, văn phòng phức hợp (theo qui hoạch của thành phố và các tỉnh).

SOTRANS hiện có 7 đơn vị thành viên hoạt động trong các lĩnh vực giao nhận vận tải quốc tế, dịch vụ kho, kinh doanh xăng dầu. SOTRANS có hệ thống đại lý tại hơn 70 quốc gia trên thế giới, trong đó tập trung vào các thị trường lớn như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU... Với hệ thống đại lý mạnh ở các cảng lớn trên thế giới, có quan hệ mật thiết với các hãng tàu uy tín, các dịch vụ của công ty luôn đảm bảo đúng lịch trình với giá cước phù hợp, đáp ứng yêu cầu riêng của từng khách hàng.

Kinh doanh kho hiện là thế mạnh của Sotrans với hệ thống kho ngoại quan và kho chứa hàng với hơn 38 năm kinh nghiệm. Hệ thống kho của SOTRANS hiện có hơn 230.000 m<sup>2</sup> đặt tại trung tâm TP.HCM, các khu vực lân cận và các khu công nghiệp tiếp giáp với sông Sài Gòn thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ lẫn đường thủy.

SOTRANS được Hải quan TP.HCM công nhận là đại lý hải quan mẫu đầu tiên tại Việt Nam. Việc công nhận này cùng với chứng nhận đại lý hải quan điện tử do Hải quan TP.HCM cấp trước đó, SOTRANS có thể thay mặt chủ hàng ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan, giải quyết các vấn đề phát sinh, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí thông quan hàng hóa cho khách hàng. Điều đó khẳng định tính chuyên nghiệp, uy tín và trách nhiệm của SOTRANS trong dịch vụ khai báo hải quan.

Sotrans chính thức chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần từ năm 2007.

Các dịch vụ của SOTRANS được bảo hiểm trách nhiệm toàn phần, góp phần hạn chế rủi ro cho khách hàng. Thông tin về hàng hóa thường xuyên được cập nhật, đối với những khách hàng lớn, công ty cử cán bộ thường xuyên có mặt tại văn phòng của khách để giải quyết ngay nhu cầu mới phát sinh, được khách hàng tin cậy và đánh giá cao.

SOTRANS đã được các tập đoàn đa quốc gia như Scavi, Cargil, Holcim, Uni President, PepsiCo, Samsung, P&G, Colgate Palmolive ... lựa chọn là nhà cung ứng dịch vụ logistics tại thị trường Việt Nam.

### **1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển:**

- 1975 SOTRANS được thành lập.
- 1990 Thành lập XN Dịch Vụ Kho Vận Giao Nhận (SOTRANS F&W).
- 1992 Thành lập XN Đại Lý GN Vận Tải Quốc Tế (SOTRANS Logistics).
- 1993 Thành lập VP đại diện Công ty Kho Vận Miền Nam tại Đồng Nai.
- 1995 SOTRANS là thành viên Phòng Thương Mại Và Công Nghiệp Việt Nam (VCCI).
- 1996 SOTRANS là thành viên Hiệp hội Giao Nhận Kho Vận Việt Nam (VIFFAS).
- 1997 Hợp tác với GEMADEPT xây dựng cảng ICD Phước Long 2. SOTRANS là thành viên Hiệp hội Vận tải Giao nhận Quốc tế (FIATA).
- 1999 Thành lập Chi nhánh Công ty Kho Vận Miền Nam tại Hà Nội.
- 2000 Thành lập Chi nhánh Công ty Kho Vận Miền Nam tại Cần Thơ.
- 2001 Đạt chứng nhận ISO 9001: 2000 trong lĩnh vực dịch vụ logistics do tổ chức DNV cấp.
- 2002 Thành lập Vp đại diện Công ty Kho Vận Miền Nam tại Bình Dương.
- 2003 SOTRANS nhận Huân Chương Lao Động hạng ba.
- 2005 SOTRANS nhận Huân Chương Lao Động hạng nhì. SOTRANS là thành viên Hiệp Hội Vận Tải Hàng Không Quốc Tế (IATA).
- 2007 SOTRANS chuyển đổi thành Công ty Cổ phần.
- 2009 SOTRANS đoạt giải thưởng Sao Vàng đất Việt 2009.
- 2010 Thành lập XN GN Vận tải Quốc tế Tiêu điểm (SOTRANS Focus).  
Thành lập Cảng Kho Vận (SOTRANS ICD).  
Thành lập XN Vật tư Xăng dầu (SOTRANS Petrol).  
SOTRANS nhận Huân Chương Lao Động hạng nhất.

### **1.1.3. Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:**

Sotrans chính thức chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần từ năm 2007.

### **1.1.4. Niêm yết:**

Sotrans niêm yết chính thức cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, ngày giao dịch đầu tiên: 02/03/2010.

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mã cổ phiếu: STG.

- Mệnh giá: 10.000 (mười ngàn) đồng/cổ phần.
- Tổng số lượng niêm yết: 8.351.857 cổ phần.
- Tổng giá trị niêm yết: 83.518.570.000 đồng (tính theo mệnh giá).

## **1.2. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN:**

### **1.2.1. Ngành nghề kinh doanh:**

- Kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, cho thuê văn phòng làm việc.
- Xếp dỡ, giao nhận hàng hoá.
- Dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức.
- Đại lý tàu biển.
- Môi giới hàng hải.
- Dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan.
- Dịch vụ phát chuyển nhanh.
- Kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center).
- Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hoá.
- Đại lý kinh doanh xăng dầu.
- Mua bán dầu nhớt, hoá chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh).
- Sản xuất, gia công sản phẩm dầu nhớt, dầu mỡ bôi trơn.
- Sản xuất bao bì các loại (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ).
- Mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.
- Mua bán sửa chữa tân trang các loại thùng phuy sắt nhựa.
- Mua bán hàng may mặc và nguyên phụ liệu may mặc.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở).
- Kinh doanh lẻ hành nội địa và quốc tế.
- Đại lý bán vé máy bay, vé tàu hoả.
- Đại lý bảo hiểm.
- Cho thuê xe ô tô.
- Mua bán phụ gia, nguyên liệu pha chế dầu nhờn.
- Kinh doanh bất động sản.
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô; vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng.
- Đại lý bán vé tàu thuỷ.
- Bán buôn phân bón, bình ắc quy.

### **1.2.2. Tình hình hoạt động:**

Hiện nay, Công ty có các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh kho.
- Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế.
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Cảng thông quan nội địa.
- Kinh doanh xăng dầu.
- **Dịch vụ kho:**
  - Với hệ thống kho có diện tích lớn tại các khu vực quận 4, 7, 9, Bình Chánh, Thủ Đức và các tỉnh lân cận như Bình Dương, Long An...
    - Quận 4: Kho Bến Súc 5.000 m<sup>2</sup>
    - Quận 7: Kho Viconship 30.400 m<sup>2</sup>
    - Quận 9: Kho Phước Long 15.000 m<sup>2</sup>
    - Thủ Đức: Kho, bãi cảng Thủ Đức 10.000 m<sup>2</sup>

Tổng số lượng niêm yết:

**8.351.857**

cổ phần





- Kho ngoại quan: 3.000 m<sup>2</sup>
- Các kho hợp tác kinh doanh tại TP. HCM, Bình Dương, Phú Mỹ: khoảng 72.000 m<sup>2</sup>
- Cảng kho vận tại Thủ Đức cầu cảng dài trên 400 m

- Hệ thống kho bãi nằm gần trung tâm TP.HCM, các khu công nghiệp, khu chế xuất, gần điểm giao nối giữa các tuyến đường quan trọng: đại lộ Đông Tây nối liền tới khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, đại lộ xuyên Á nối liền với các quốc gia Đông Nam Á.
- Nằm trên hệ thống đường quốc lộ, khu vực ven TP.HCM, thuận tiện cho việc xuất, nhập hàng hóa, không bị cấm tải trong giờ cao điểm.
- Nằm tiếp giáp với một nhánh sông Sài Gòn, thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu bằng đường sông.
- Tọa lạc gần trung tâm công nghiệp thương mại TP.HCM – Bình Dương – Đồng Nai. SOTRANS đã kết hợp giữa lợi thế vị trí thuận lợi cùng kinh nghiệm tích lũy trong nhiều năm qua nhằm mang đến cho khách hàng sự hài lòng cao nhất và xây dựng SOTRANS trở thành một nhà cung ứng dịch vụ chuỗi cung ứng logistics hàng đầu.

#### ■ Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế:

- SOTRANS có hệ thống đại lý quốc tế tại nhiều nước trên thế giới. Hiện nay hệ thống đại lý của SOTRANS có mặt trên 70 quốc gia và vùng lãnh thổ.
- **Asia + Australia:** Australia, Banglades, Brunei, Cambodia, China, India, Indonesia, Japan, Korea, Malaysia, Myanmar, New Zealand, Pakistan, Singapore, Srilanka, Philippin, Thailand, Taiwan, Russia.
- **Euro & Mediterranean:** Belgium, Czech Republic, Denmark, Egypt, Finland, France, Germany, Greece, Hungary, Israel, Italy, Libya, Maldives, Malta, Netherlands, Poland, Rumania, Slovakia, Spain, Turkey, Ukraina, United Kingdom.
- **America, Africa & Middle East:** Algeria, Angola, Arab Saudi, Argentina, Bahrain, Benin, Brasil, Canada, Cameroon, Chile, Colombia, Costa Rica, Ecuador, El Salvador, Ghana, Israel, Jordan, Kenya, Kuwait, Lebanon, Liberia, Madagascar, Morocco, Mexico, Mozambique, Nicaragua, Nigeria, Oman, Panama, Peru, Qatar, Senegal, South Africa, Sudan, Syria, Tanzania, Togo, Trinidad & Tobago, UAE, Uruguay, USA, Venezuela, Yemen.
- Kết hợp một cách hợp lý giữa nhiều phương thức vận tải với nhau giúp khách hàng tiết kiệm được rất nhiều chi phí mà vẫn bảo đảm được thời gian giao hàng đúng hẹn.
- Sotrans có tất cả các dịch vụ để có thể cung cấp đến khách hàng trọn gói về chuỗi cung ứng dịch vụ logistics.
- Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và có kinh nghiệm hơn 20 năm trong lĩnh vực đại lý giao nhận vận tải quốc tế.
- SOTRANS là đại lý hải quan mẫu đầu tiên của Việt Nam, SOTRANS có thể đại diện khách hàng ký và đóng dấu vào tờ khai hải quan, giúp khách hàng tiết kiệm được thời gian, chi phí đồng thời khẳng định trách nhiệm của SOTRANS trước khách hàng.

#### ■ Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu:

- Sotrans cung cấp chuỗi dịch vụ logistics từ khâu nhận hàng, tổ chức đóng gói, lưu kho, thuê phương tiện vận tải, thủ tục hải quan... và giao hàng đến điểm cuối (thường là kho, nhà máy hoặc công trường) theo chỉ định của chủ hàng, được khách hàng lựa chọn.



#### ■ Dịch vụ cảng thông quan nội địa:

- Cảng Kho Vận - Sotrans ICD chính thức đi vào hoạt động từ vào năm 2010. Vị trí cảng thuận lợi, dây chuyền công nghệ cao, dịch vụ trọn gói đảm bảo đáp ứng hoàn chỉnh nhu cầu vận chuyển cho các Chủ tàu, các Cảng, các công ty xuất nhập khẩu, các công ty Thương mại và dịch vụ...
- Với diện tích khai thác khoảng 9,4 ha (94.000 m<sup>2</sup>) với số tiền đầu tư ban đầu 50 tỷ đồng, vị trí khai thác chiến lược giúp kết nối các hoạt động logistics liên tục 24h/7 ngày.
- Các dịch vụ tại Sotrans ICD:
  - o ĐIỂM THÔNG QUAN NỘI ĐỊA.
  - o Nâng, hạ container.
  - o Đóng rút hàng tại bãi.
  - o Kho ngoại quan
  - o Bãi chứa container có hàng, rỗng và lạnh.
  - o Dịch vụ xếp dỡ container.
  - o Vận chuyển hàng công trình, siêu trường, siêu trọng.
  - o Lắp đặt thiết bị.
  - o Thủ tục hải quan.
  - o Kho đóng hàng lẻ.
  - o Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.
  - o Làm bao bì, đóng gói chân không và kẻ ký mã hiệu hàng hóa.
  - o Sửa chữa và vệ sinh container.
  - o Vận chuyển hàng nội địa.
  - o Hoạt động liên tục 24 giờ/7 ngày.

#### ■ Kinh doanh xăng dầu:

- Công ty là đại lý phân phối xăng và dầu DO cho Saigon Petro và Công ty CP Thương Mại & Dịch vụ Cần Giờ. Ngành kinh doanh xăng dầu của Sotrans có lợi thế về chất lượng ổn định, giá thành cạnh tranh và dịch vụ tốt.
- Trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, Sotrans khai thác tốt các khách hàng là các doanh nghiệp tại khu vực Thủ Đức như Xi măng Hà Tiên, Nhiệt điện Thủ Đức, Thép Thủ Đức, Germadept...

### 1.3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

#### 1.3.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

##### ■ Mục tiêu tăng trưởng:

- Tăng trưởng từ 10-15% hàng năm trong điều kiện tình hình kinh tế ổn định. Khi có biến động mạnh tác động đến ngành nghề kinh doanh như năm vừa qua, Sotrans phấn đấu ổn định doanh thu bán hàng qua các năm.

##### ■ Mục tiêu lợi nhuận:

- Tăng trưởng lợi nhuận 5-10% mỗi năm.
- Đảm bảo cổ tức cho cổ đông: 18 - 20% mỗi năm.

##### ■ Mục tiêu thương hiệu:

- Thương hiệu Sotrans là một trong những thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực logistics.

##### ■ Mục tiêu xã hội:

- Tạo môi trường làm việc văn minh, chuyên nghiệp.
- Đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- Chăm lo đời sống, sức khỏe của người lao động.



- Tham gia bảo vệ môi trường, công tác xã hội phù hợp với hoạt động của công ty.
- Không ngừng phát triển và mở rộng hệ thống, tạo nhiều việc làm, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

### 1.3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

#### ■ Mục tiêu SXKD, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2009 – 2012:

**Bảng 1: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2009 – 2012**

| Chỉ tiêu                           | 2009       |                     | 2010       |                     | 2011       |                     | 2012       |                     |
|------------------------------------|------------|---------------------|------------|---------------------|------------|---------------------|------------|---------------------|
|                                    | Triệu đồng | % (+/-) so với 2008 | Triệu đồng | % (+/-) so với 2009 | Triệu đồng | % (+/-) so với 2010 | Triệu đồng | % (+/-) so với 2011 |
| Vốn điều lệ                        | 83.520     | 32.520              | 83.520     | -                   | 83.520     | -                   | 83.520     | -                   |
| Doanh thu thuần                    | 500.000    | (131.327)           | 540.000    | 40.000              | 619.670    | 79.670              | 607.333    | (12.337)            |
| Lợi nhuận sau thuế                 | 21.000(*)  | (2.010)             | 23.000 (*) | 2.000               | 24.025     | 1.025               | 24.800     | 775                 |
| Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 4,2%       | (0,55)%             | 3,7%       | 0,1%                | 3,87%      | 0.17%               | 4.08%      | 0.21%               |
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ     | 25,14%     | (19,97)%            | 23,95%     | (1,19)%             | 28,75%     | 4.8%                | 29.69%     | 0.94%               |
| Cổ tức/Vốn điều lệ                 | 18%        |                     | 18%        |                     | 20%        |                     | 18%        |                     |

(\*): Năm 2009 và 2010, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp. Kể từ năm 2011 trở đi, Công ty trả mức thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

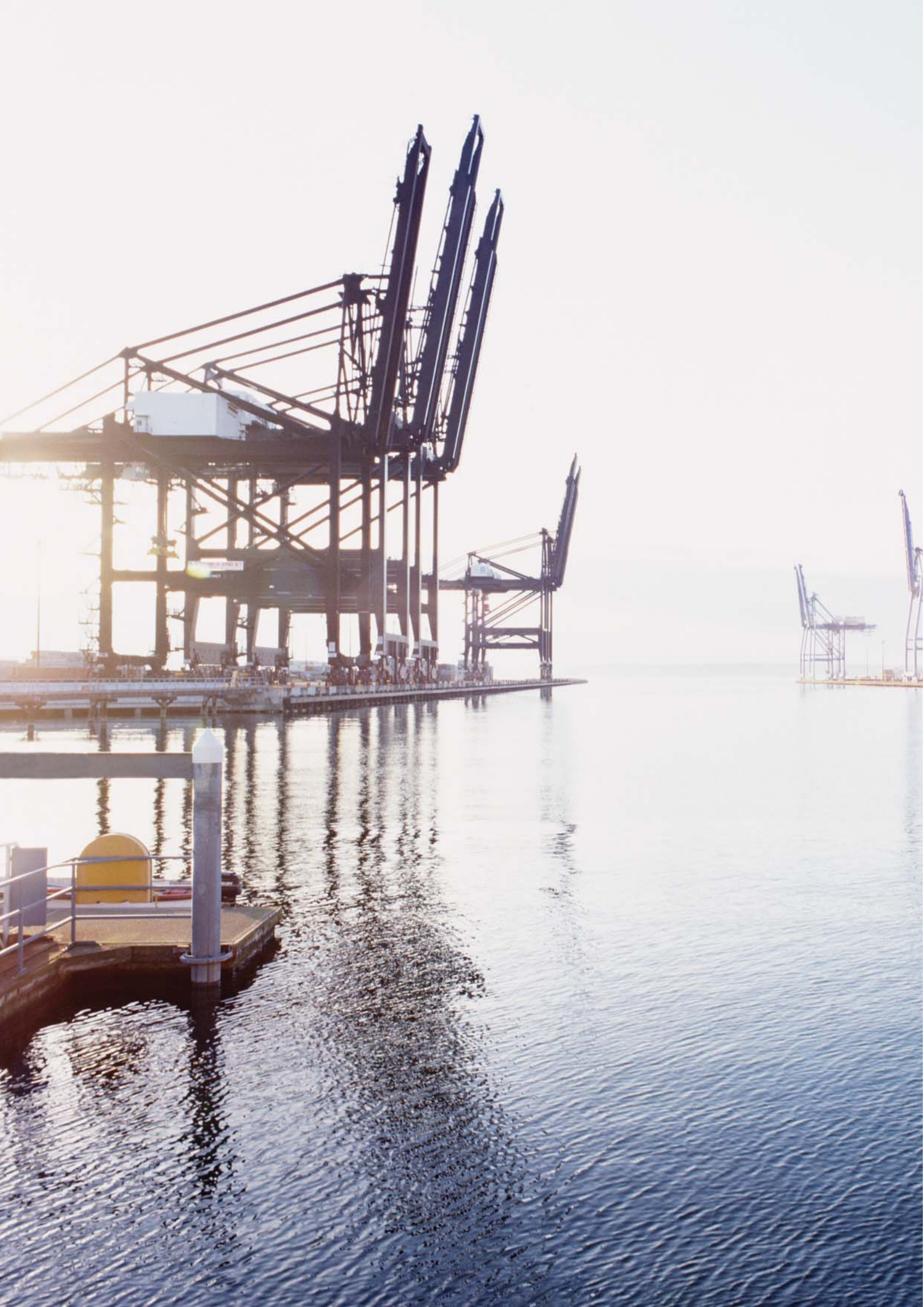
#### ■ Mục tiêu tăng trưởng thông qua đầu tư:

##### Đầu tư hệ thống kho:

- Đối với hệ thống Kho Sotrans sẽ đầu tư từng bước với các kho thông thường và kho có kệ chứa hàng có diện tích vừa phải từ 5.000 – 20.000 m<sup>2</sup> theo từng giai đoạn để đảm bảo hình thành mô hình kinh doanh chuẩn về các nhà kho. Sau khi đạt được doanh thu và lợi nhuận ổn định sẽ nhân rộng mô hình ra toàn quốc căn cứ theo Quy hoạch phát triển Cảng biển đến 2020 và trên cơ sở nghiên cứu thị trường về nhu cầu sử dụng kho ở các khu vực.
- Song song với việc lập kế hoạch phát triển kho bãi, Sotrans sẽ tập trung tìm kiếm cơ hội, đất đai phù hợp tại khu vực Thủ Đức, TP. HCM để chuẩn bị cho kế hoạch di dời các kho bãi hiện hữu theo qui hoạch tại khu vực Km 9 Xa lộ Hà Nội.

##### Đầu tư quỹ đất hệ thống ICD:

- Trong thời gian tới nếu khu vực Thủ Đức chấm dứt các hoạt động ICD thì phương án di dời sang khu vực phù hợp khác – Cát Lái và Đồng Nai - cần được xem xét. Khu vực Cát Lái có lợi thế thấp hơn về cự li đến khác khu công nghiệp nhưng cũng đảm bảo được hiệu quả của khu vực trung tâm logistics.
- Khu vực khác được xem xét là khu vực Đồng Nai, tiếp giáp sông Đồng Nai dưới hình thức liên kết với các đối tác khác phát triển ICD.







PHẦN 2:

---

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Thực hiện Luật Doanh Nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc Hội thông qua ngày 29/11/2005 và Điều 25 Chương VIII Điều Lệ Công ty CP Kho Vận Miền Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19/04/2012; Nghị quyết số 025/NQ-HĐQT ngày 19/04/2012 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012; Nghị quyết số 060/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/08/2012 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2012, Hội đồng quản trị báo cáo hoạt động năm 2012 cụ thể như sau:

## **2.1. CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:**

- HĐQT tổ chức họp 7 phiên thường kỳ, 1 phiên bất thường và 2 lần lấy phiếu biểu quyết bằng hình thức gửi văn bản, qua email.
- HĐQT đã trực tiếp thảo luận, quyết định các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tại các kỳ Đại hội. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, phê duyệt tờ trình của Tổng Giám Đốc và nghe Tổng Giám Đốc báo cáo, giải trình kế hoạch SXKD của Công ty. Các cuộc họp của HĐQT đều có Tổng Giám đốc tham dự.
- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với ban điều hành được thực hiện thông qua việc HĐQT chất vấn Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý điều hành về kết quả hoạt động trong kỳ tại các phiên họp định kỳ và khi đến làm việc với các đơn vị.

## **2.2. CÁC BIÊN BẢN NGHỊ QUYẾT HĐQT:**

Tất cả các cuộc họp HĐQT đều ghi biên bản đầy đủ và được HĐQT thông qua. Trong năm 2012, HĐQT đã ban hành 10 Nghị quyết. Ngoài các Nghị quyết về công tác thường kỳ đã được thông qua như: báo cáo tài chính quý, 6 tháng và hàng năm. HĐQT còn ban hành 1 số nghị quyết sau:

- Bổ sung ngành nghề kinh doanh: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu, mã ngành: 8299; chi tiết: xuất nhập khẩu ủy thác.
- Quyết định thành lập Ban xây dựng chiến lược giai đoạn 2012 – 2016. HĐQT giao Ban xây dựng chiến lược công ty lập, sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh bản “Chiến lược” theo các ý kiến đóng góp và trình HĐQT xem xét. Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty.
- Cơ cấu và tổ chức lại, ổn định hoạt động của XNĐLGTVT Quốc tế và XN DV Kho Vận Giao nhận; sát nhập bộ phận giao nhận của XNĐLGTVT Quốc tế vào XN DV Kho Vận Giao nhận.
- Cơ cấu và tổ chức lại nhân sự cấp quản lý tại XN Vật tư Xăng dầu, ngưng cung cấp phân phối sản phẩm dầu nhờn Valvoline.
- Chỉ đạo Ban điều hành nghiên cứu Chiến lược phát triển kho bãi 2012-2016 (là lĩnh vực kinh doanh chính đang mang lại hiệu quả tốt cho Công ty) trình ĐHCĐ năm 2012.
- Chỉ đạo Ban điều hành nghiên cứu và đưa ra lộ trình thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công tác quản lý, đặc biệt là lĩnh vực kế toán tài chính.
- Chỉ đạo Ban điều hành đánh giá các cán bộ đương nhiệm sắp hết nhiệm kỳ bổ nhiệm và có phương án đề nghị tái bổ nhiệm hoặc thay thế trình HĐQT.
- Thông qua việc từ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Kho Vận Miền Nam của Bà Đoàn Thị Đông.

### **2.3. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH:**

- Phê duyệt việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM với hạn mức tín dụng 70 tỷ đồng.
- Phê duyệt báo cáo kiểm toán 6 tháng và năm 2012 đúng pháp luật và chuẩn mực kế toán.
- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2012 là công ty TNHH Deloitte Việt Nam theo Báo cáo số 201/KVMN-KTTC ngày 26/06/2012.
- Yêu cầu thực hiện cam kết giảm công nợ của TGD đến 31/12/2012 công nợ toàn công ty giảm 20% tương đương chỉ còn 58 tỷ đồng, riêng XNQT công nợ giảm dưới 20 tỷ đồng.
- Tiến hành chi trả cổ tức đợt 1 năm 2012 là 12%/năm bằng tiền mặt đúng quy định và thời gian, trình phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ công ty đồng thời giám sát thực hiện đúng pháp luật, quy chế công ty.

### **2.4. THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT:**

- Từ đầu năm đến 19/04/2012, HĐQT có 04 thành viên.
- Ngày 19/04/2012, căn cứ Nghị quyết số 025/NQ-Đ, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 thông qua HĐQT có 05 người, Ban Kiểm soát có 03 người.
- Ngày 27/04/2012, căn cứ Nghị quyết số 027/NQ-HĐQT, HĐQT nhất trí thông qua và bầu Bà Đoàn Thị Đông giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Kho Vận Miền Nam.
- Ngày 27/08/2012, căn cứ Nghị quyết số 058/NQ-HĐQT, HĐQT nhất trí thông qua việc từ nhiệm của Ông Khuất Tùng Phong – thành viên HĐQT.
- Ngày 30/08/2012, căn cứ Nghị quyết số 060/NQ-ĐHĐCĐ, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2012 thông qua việc bổ nhiệm Ông Trần Quyết Thắng thay Ông Khuất Tùng Phong làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2012-2016. Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2012 thông qua việc bầu bổ sung 01 thành viên là Ông Lê Việt Thành tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2012-2016, nâng tổng số thành viên của HĐQT nhiệm kỳ 2012-2016 lên 06 thành viên.
- Tính từ thời điểm 30/08/2012 đến nay, HĐQT gồm 06 thành viên trong đó:
  - + 05 thành viên được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, tổ chức ngày 19/04/2012.
  - + 01 thành viên thay thế cho 01 thành viên từ nhiệm được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường, tổ chức ngày 30/08/2012.
  - + 01 thành viên được bầu bổ sung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2012 ngày 30/08/2012.

### **2.5. GIAO DỊCH CỦA THÀNH VIÊN HĐQT VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN :**

Công ty không cấp bất kỳ khoản vay, bảo lãnh tín dụng nào cho các thành viên HĐQT hay người có liên quan của họ.

## 2.6. THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG:

- Chỉ đạo công bố đầy đủ thông tin đến cổ đông, tổ chức, cá nhân đầu tư.
- Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền trong các kỳ đại hội, bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.
- Chỉ đạo, giám sát, điều hành của Tổng Giám đốc, bảo đảm thực hiện đúng pháp luật, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT.
- Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo đúng pháp luật và điều lệ công ty.

## 2.7. KẾT LUẬN:

- Kết thúc năm 2012 – một năm đầy khó khăn với tình hình trong và ngoài nước nhiều biến động phức tạp, khó lường song HĐQT đã kịp thời định hướng phù hợp, tập trung chỉ đạo điều hành để ổn định các lĩnh vực SXKD chủ lực như kho vận, giao nhận, giải thể, sát nhập, cơ cấu lại một số đơn vị kém hiệu quả, sắp xếp lao động hợp lý và sử dụng vốn kinh doanh có hiệu quả. Mặc dù chưa hoàn thành kế hoạch nhưng HĐQT, Ban điều hành đã rất cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của mình cùng với việc kịp thời đưa ra những giải pháp trên; điều đó đã giúp ổn định công ty trong giai đoạn hết sức khó khăn vừa qua.
- Trên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2012. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý vị cổ đông, đặc biệt chỉ ra những hạn chế yếu kém trong công tác quản lý công ty và giám sát Ban điều hành. Ý kiến của Quý vị là sự hợp tác không thể thiếu để giúp cho HĐQT hoạt động tốt hơn trong những năm tới.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



  
ĐOÀN THỊ ĐÔNG





# SOTRANS

*We make it simple !*



# 230.000 m<sup>2</sup>

kho bãi trên toàn quốc !

[www.sotrans.com.vn](http://www.sotrans.com.vn)







PHẦN 3:

---

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC



## **I. TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ:**

### **1.1. Các chỉ tiêu Kinh tế vĩ mô năm 2012:**

| Một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2012 (tăng/giảm) so với năm 2011 (%) |        |
|------------------------------------------------------------------|--------|
| Tổng sản phẩm trong nước                                         | + 5,03 |
| Chỉ số sản xuất công nghiệp                                      | + 4,8  |
| Tổng kim ngạch xuất khẩu                                         | + 18,3 |
| Tổng kim ngạch nhập khẩu                                         | + 7,1  |
| Vốn đầu tư ngân sách nhà nước thực hiện so với kế hoạch năm      | + 115  |
| Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2012 so với năm 2011          | + 9,21 |

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2012 tiếp tục bị ảnh hưởng bởi sự bất ổn của kinh tế thế giới do khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công ở Châu Âu chưa được giải quyết. Suy thoái trong khu vực đồng euro cùng với khủng hoảng tín dụng và tình trạng thất nghiệp gia tăng tại các nước thuộc khu vực này vẫn đang tiếp diễn. Hoạt động sản xuất và thương mại toàn cầu bị tác động mạnh, giá cả hàng hóa diễn biến phức tạp. Tăng trưởng của các nền kinh tế đầu tàu suy giảm kéo theo sự sụt giảm của các nền kinh tế khác. Một số nước và khối nước lớn có vị trí quan trọng trong quan hệ thương mại với nước ta như: Mỹ, Trung Quốc, Nhật bản và EU đối mặt với nhiều thách thức nên tăng trưởng chậm. Những bất lợi từ sự sụt giảm của kinh tế thế giới ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống dân cư trong nước. Thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp, hàng tồn kho ở mức cao, sức mua trong dân giảm. Tỷ lệ nợ xấu ngân hàng ở mức đáng lo ngại. Nhiều doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa phải thu hẹp sản xuất, dừng hoạt động hoặc giải thể.

## **II. TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU:**

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước năm 2012 đạt gần 228,37 tỷ USD, tăng 12,1% so với năm 2011, trong đó xuất khẩu đạt 114,57 tỷ USD, tăng 18,2% và nhập khẩu là 113,79 tỷ USD, tăng 7,1%. Cán cân thương mại hàng hóa cả nước xuất siêu 780 triệu USD (trong khi năm 2011 nhập siêu 9,84 tỷ USD).

Tổng trị giá hàng hóa xuất nhập khẩu của khối doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong năm qua là 124 tỷ USD, tăng 28,2% và chiếm 54% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước. Trong đó, xuất khẩu đạt 64,05 tỷ USD, tăng 33,8% và nhập khẩu là 59,94 tỷ USD, tăng 22,7% so với cùng kỳ năm trước.

### **2.1. Xuất khẩu:**

Năm 2012, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu đạt 114,6 tỷ USD, tăng 18,3% so với năm 2011, bao gồm: Khu vực kinh tế trong nước đạt 42,3 tỷ USD, tăng 1,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (gồm cả dầu thô) đạt 72,3 tỷ USD, tăng 31,2%. Nếu không kể dầu thô thì kim ngạch hàng hóa xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài năm nay đạt 63,9 tỷ USD, tăng 33,5% so với năm trước. Nếu loại trừ yếu tố giá, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2012 tăng 18,9%.

- Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm nay tăng cao chủ yếu ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài với các mặt hàng như: Điện tử, máy tính và linh kiện; điện thoại các loại và linh kiện, hàng dệt may, giày dép... Các mặt hàng trên đều thuộc nhóm hàng có tỷ trọng gia công cao, điều này phản ánh hiệu quả xuất khẩu và lượng ngoại tệ thực thu thấp. Mức tăng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đóng góp 17,7 điểm phần trăm vào mức tăng chung, trong khi đó khu vực kinh tế trong nước chỉ đóng góp 0,6 điểm phần trăm.
- Về thị trường hàng hóa xuất khẩu của nước ta năm 2012, EU vươn lên là thị trường tiêu thụ hàng hóa lớn nhất với kim ngạch đạt 20,3 tỷ USD, tăng 22,5% so với năm 2011 và chiếm 17,7% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực vào thị trường EU chiếm tỷ trọng cao là: Điện thoại chiếm 43% tổng kim ngạch điện thoại xuất khẩu; giày dép chiếm 36%; máy tính chiếm 19%; hàng dệt may chiếm 16%, tiếp đến là Hoa Kỳ 19,6 tỷ USD, tăng 15,6% và chiếm 17,1%; ASEAN 17,3 tỷ USD, tăng 27,2% và chiếm 15,1%; Nhật Bản 13,1 tỷ USD, tăng 21,4% và chiếm 11,4%; Trung Quốc 12,2 tỷ USD, tăng 10% và chiếm 10,7%.

## **2.2. Nhập khẩu:**

- Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2012 đạt 114,3 tỷ USD, tăng 7,1% so với năm trước, bao gồm: Khu vực kinh tế trong nước đạt 54 tỷ USD, giảm 6,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 60,3 tỷ USD, tăng 23,5%. Mức tăng kim ngạch nhập khẩu năm nay đạt thấp nhất kể từ năm 2002 trở lại đây (Không tính đến năm 2009). Nếu loại trừ yếu tố giá, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2012 tăng 7,4% so với năm 2011.
- Về thị trường hàng hóa nhập khẩu năm nay, Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất của nước ta với kim ngạch đạt 28,9 tỷ USD, tăng 17,6% so với năm 2011 và chiếm 25,3% tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu; tiếp đến là ASEAN đạt 21 tỷ USD, tăng 0,3% và chiếm 18,3%; Hàn Quốc đạt 15,6 tỷ USD, tăng 18,4% và chiếm 13,6%; Nhật Bản đạt 11,7 tỷ USD, tăng 12,2% và chiếm 10,2%; EU đạt 8,8 tỷ USD, tăng 13,3% và chiếm 7,7%; Hoa Kỳ đạt 4,7 tỷ USD, tăng 4,7% và chiếm 4,1%.

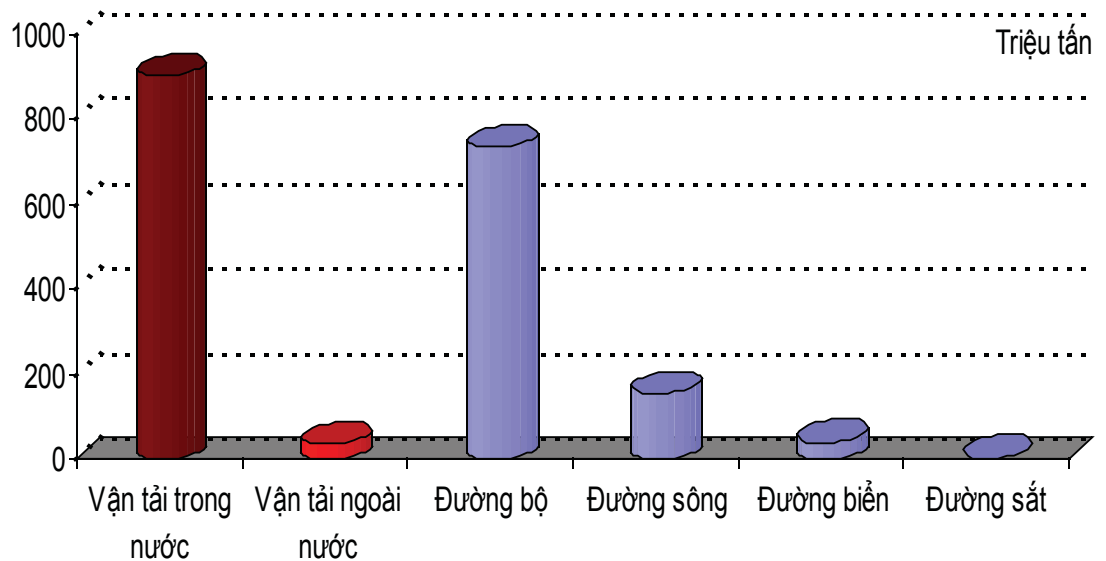
Nhận xét: Lượng hàng hóa xuất khẩu tăng trong năm 2012 nhưng chủ yếu do nhóm hàng công nghệ cao từ các doanh nghiệp nước ngoài và thị phần vận chuyển cho nhóm này chủ yếu thuộc về các công ty đa quốc gia do họ đã đấu thầu quốc tế, các doanh nghiệp Việt Nam khó có thể tham gia dịch vụ trong nhóm này khi nhu cầu xuất khẩu vẫn đang tăng. Về nhập khẩu tăng không mạnh, nhiều mặt hàng nguyên liệu tăng thấp hoặc giảm cả về lượng và trị giá. Thực trạng trên phản ánh nhu cầu của đầu tư và tiêu dùng trong nước thấp điều đó làm giảm cơ hội cho ngành logistics.

## **III. TÌNH HÌNH NGÀNH LOGISTICS NĂM 2012:**

### **3.1. Tình hình chung:**

- Vận tải hàng hóa năm 2012 đạt 940,4 triệu tấn, tăng 9,5% và 185,2 tỷ tấn.km, giảm 8,7% so với năm trước, bao gồm:
- Vận tải trong nước đạt 902,2 triệu tấn, tăng 10,4% và 61,3 tỷ tấn.km, tăng 1,7%;
- Vận tải ngoài nước đạt 38,1 triệu tấn, giảm 12,4% và 123,9 tỷ tấn.km, giảm 14,8%.
- Vận tải hàng hoá đường bộ đạt 734,6 triệu tấn, tăng 11,5% và 38,6 tỷ tấn.km, tăng 8,7%;

- Vận tải đường sông đạt 155,2 triệu tấn, tăng 6,8% và 15,5 tỷ tấn.km, tăng 5,7%;
- Vận tải đường biển đạt 43,4 triệu tấn, giảm 14% và 126,6 tỷ tấn.km, giảm 16%; đường sắt đạt 7 triệu tấn, giảm 3,9% và 4 tỷ tấn.km, giảm 3,4%.



Nhận xét: Tình hình Vận tải nhìn chung trong năm 2012 giảm sản lượng do vận tải các tuyến quốc tế giảm mạnh khoảng 14% và chủ yếu là vận tải đường biển. Điều đó tác động mạnh đến ngành nghề vận tải quốc tế của Công ty.

### 3.2. Tình hình hoạt động kinh doanh của một số công ty cùng ngành (báo cáo 09 tháng 2012):

#### ■ Công ty CP Transimex Saigon:

- Doanh thu tăng 77%. Lợi nhuận tăng 61%.
- Giải thể chi nhánh Campuchia và phòng hàng không (hợp tác với Vinafreight), không phát triển được dự án kho tại Khu công nghệ cao. Thành lập mới Công ty Dịch vụ Hàng hải và Công ty dịch vụ RFS làm đại lý hàng không.
- Trả cổ tức 15% trong đó 7% bằng tiền mặt và 8% bằng cổ phiếu.

#### ■ Công ty CP Giao nhận vận tải và Thương mại (Vinalink):

- Doanh thu tăng 7,3%. Lợi nhuận giảm 2,8%.
- Thành lập Công ty TNHH MTV Logistics VNL Campuchia.
- Chia cổ tức 15%.

#### ■ Công ty CP vận tải Ngoại thương (Vinafreight):

- Doanh thu tăng 11,6%. Lợi nhuận giảm mạnh 77,2%.
- Định hướng phát hành cổ phiếu để lập hãng hàng không vận chuyển hàng hóa.
- Chia cổ tức 20%.

#### ■ Công ty CP Giao nhận vận tải và Thương mại (Vinatrans):

- Doanh thu tăng nhẹ 3,1%. Lợi nhuận tăng 29,2%.
- Thành lập Công ty TNHH Logistics SOJITZ.
- Chia cổ tức 20%.



■ **CTCP Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (Tân Cảng Logistics):**

Doanh thu tăng 17%. Lợi nhuận giảm 18%.

Đầu tư dự án depot 125 diện tích 17.253m<sup>2</sup>.

Chia cổ tức 18%.

Nhận xét: Đa số các công ty trong ngành có doanh thu tăng phần lớn do biến động giá đầu vào dịch vụ. Lợi nhuận có tăng và có giảm. Các đơn vị tăng lợi nhuận do ổn định nguồn lợi nhuận từ các hoạt động góp vốn, quản lý tốt về chi phí và mở rộng kinh doanh. Các đơn vị giảm lợi nhuận chủ yếu do chi phí tăng cao trong năm qua.

**3.3. Thuận lợi & Cơ hội:**

- Theo một báo cáo của Ngân hàng Thế giới (WB), Việt Nam cùng với Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Uganda, Philippines và Nam Phi có sự phát triển kinh tế ấn tượng nhất trong nhóm các nước đang phát triển. Trong đó, về bảng xếp hạng logistics (LPI), Việt Nam xếp thứ 53 trong tổng số 155 nền kinh tế. Điều này chứng tỏ Việt Nam đang dần cải thiện một cách toàn diện việc phát triển hệ thống logistics, bao gồm kho vận, giao nhận, vận chuyển và phân phối.
- Tại một cuộc hội thảo hướng phát triển cho ngành logistics Việt Nam trong thời kì hội nhập được tổ chức tại TPHCM trong năm, đại diện Bộ Công Thương cho biết trong số khoảng 900 công ty khai thác các dịch vụ liên quan đến logistics, chỉ có gần 20% doanh nghiệp nước ngoài liên doanh với các công ty trong nước để khai thác các dịch vụ này. Tuy nhiên, các liên doanh này lại chiếm thị phần khoảng 80%. Đặc biệt, kể từ năm 2014, các doanh nghiệp nước ngoài trong lĩnh vực logistics tại Việt Nam sẽ được phép mở công ty 100% vốn nước ngoài theo cam kết gia nhập WTO. Lúc đó thị trường sẽ đông đúc và phát triển hơn.
- Đến năm 2015, Việt Nam sẽ nâng gấp đôi năng lực xếp dỡ hàng hóa so với hiện tại (khoảng 250 triệu tấn/năm). Dịch vụ logistics ở Việt Nam chiếm 15-20% GDP (khoảng 12 tỉ đô la Mỹ). Nếu chỉ tính riêng khâu quan trọng nhất của logistics là vận tải, chiếm từ 40-60% chi phí, thì cũng đã là một thị trường dịch vụ khổng lồ. Việt Nam được đánh giá là quốc gia có điều kiện tự nhiên và vị trí địa lý vô cùng thuận lợi để phát triển ngành logistics với trên 17.000 ki lô mét đường bộ, hơn 3.200 ki lô mét đường sắt, 42.000 ki lô mét đường thủy, 266 cảng biển, 20 sân bay và hàng trăm cửa khẩu quốc tế, quốc gia lớn nhỏ nằm dọc theo chiều dài đất nước

**3.4. Khó khăn & thách thức:**

- Khủng hoảng kinh tế thế giới chưa có dấu hiệu phục hồi rõ ràng. Sức tiêu thụ toàn cầu chưa có dấu hiệu phục hồi. Nhu cầu giao thương từ thị trường Châu Âu, Nhật Bản và Mỹ vẫn còn yếu. Nguy cơ vỡ nợ dây chuyền tại các nước EU vẫn rất cao. Trong khi đó, các quốc gia trên thế giới vẫn chỉ mới bắt đầu vào việc ổn định kinh tế vào cuối năm 2012. Hầu hết các doanh nghiệp sản xuất & xuất khẩu của Việt Nam trong ngành có thể mạnh như may mặc, giày da, gỗ ... đều gặp khó khăn như chi phí đầu vào tăng, giá đầu ra giảm dẫn đến lợi nhuận giảm, thu hẹp sản xuất, khó tiếp cận vốn,... Tình hình kinh tế khó khăn dẫn đến yêu cầu cắt giảm chi phí của các công ty sản xuất, công ty xuất nhập khẩu khiến cho cạnh tranh gay gắt giữa các đơn vị cung cấp dịch vụ logistics, giao nhận hàng hóa.

- Áp lực trước thời điểm mở cửa hoàn toàn của ngành logistics vào năm 2014 đặt ra thách thức về cạnh tranh và chất lượng dịch vụ của các doanh nghiệp. Thiếu đầu tư hoặc đầu tư không có chiều sâu có thể dẫn đến việc thất bại ngay trên sân nhà ngay cả khi có nắm giữ lợi thế về cơ sở hạ tầng.

#### IV. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SX KINH DOANH NĂM 2012:

##### 4.1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

Đơn vị tính: triệu đồng

|                                                  | Thực hiện năm 2012 | So cùng kỳ năm 2011 | So kế hoạch năm 2012 |
|--------------------------------------------------|--------------------|---------------------|----------------------|
| Doanh thu                                        | 607.333            | 98%                 | 96%                  |
| Lợi nhuận trước thuế                             | 32,838             | 103.1%              | 96.6%                |
| Thu nhập bình quân 1 lao động (triệu đồng/tháng) | 8.546              | 109.8%              | 112,4%               |

##### 4.2. Thực hiện SXKD năm 2012 từng đơn vị:

Đơn vị tính: triệu đồng

| TT | Đơn vị                  | Doanh thu          |                     |                      | Lãi nộp            |                     |                      |
|----|-------------------------|--------------------|---------------------|----------------------|--------------------|---------------------|----------------------|
|    |                         | Thực hiện năm 2012 | So cùng kỳ năm 2011 | So kế hoạch năm 2012 | Thực hiện năm 2012 | So cùng kỳ năm 2011 | So kế hoạch năm 2012 |
| 1  | XN ĐL GNVN Quốc tế      | 143,335            | 82.2%               | 81.9%                | 6,503              | 60.0%               | 65.0%                |
|    | Vận tải Quốc tế         | 67,787             | 77.9%               | 92.5%                | 4,542              | 98.7%               | 113.1%               |
|    | Giao nhận nội địa       | 75,548             | 86.4%               | 71.4%                | 1,013              | 21.3%               | 16.9%                |
| 2  | XN DV Kho Vận Giao nhận | 96,693             | 111.8%              | 107.4%               | 13,323             | 98.7%               | 98.7%                |
| 3  | XN DV Kho Bãi Cảng      | 52,375             | 121.8%              | 116.4%               | 10,488             | 110.5%              | 104.9%               |
| 4  | XN GNVN QT Tiêu Điểm    | 67,434             | 141.4%              | 132.2%               | 2,502              | 114.4%              | 71.5%                |
| 5  | XN Vật tư Xăng dầu      | 176,237            | 103.7%              | 102.5%               | 3,114              | 105.0%              | 75.9%                |
| 6  | Chi nhánh Hà nội        | 24,684             | 48.8%               | 45.7%                | 545                | 76.6%               | 36.3%                |
| 7  | Cảng kho vận            | 67,503             | 124.2%              | 90.0%                | 13,614             | 165.0%              | 96.6%                |

##### 4.3. Những mặt làm được:

###### ■ Thực hiện tiến trình tái cấu trúc doanh nghiệp:

Chấm dứt việc phân phối dầu nhớt Valvoline: Việc đầu tư phân phối sản phẩm nhớt Valvoline không đạt được hiệu quả theo kế hoạch đề ra, thậm chí xảy ra lỗ trong hoạt động này. Trước tình hình đó và qua đánh giá năng lực phát kinh doanh Công ty đã mạnh dạn ngừng hoạt động kinh doanh này để dồn nguồn lực cho các mảng kinh doanh hiệu quả hơn. Các vấn đề tồn đọng về nhân sự, công nợ, hàng tồn về cơ bản đã được giải quyết ổn thỏa.

Sáp nhập bộ phận giao nhận của XN Quốc tế vào XN DV Kho vận Giao nhận: Chính thức thực hiện từ tháng 10 năm 2012. Việc sáp nhập giải quyết được các mục tiêu:

- Chuyên môn hóa ngành nghề kinh doanh giao nhận hàng hóa XNK vốn là ngành nghề truyền thống của công ty. Phát triển qui mô, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.
- Giải quyết được vấn đề chồng lán dịch vụ, cạnh tranh nội bộ trong nội tại đơn vị.
- Tinh gọn bộ máy quản lý, nhân sự, cắt giảm chi phí, tận dụng nguồn lực hiệu quả hơn.

■ **Ổn định hoạt động kinh doanh:**

- Ngoài việc tái cấu trúc sắp xếp, sáp nhập một số ngành nghề kinh doanh, trong năm Công ty đã ổn định kinh doanh các ngành nghề như Kho bãi, Vận tải quốc tế, Cảng thông quan nội địa.
- Hoạt động kinh doanh kho bãi lợi nhuận tăng 10%, hoạt động khai thác Cảng lợi nhuận tăng 65,5% so với năm 2011.

■ **Quản lý chi phí tốt hơn:**

- Tăng cường quản lý, cắt giảm chi phí, tiết kiệm nguồn lực: Trong năm giảm hơn 8,0 tỉ đồng chi phí, trong đó chủ yếu là các chi phí hoạt động (6,0 tỷ).
- Kế hoạch tiết kiệm và cắt giảm chi phí được triển khai ngay từ đầu năm và rà soát trong suốt năm.

**4.4. Những mặt chưa làm được:**

- Công tác đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng cho nhu cầu phát triển trong tương lai của công ty: Công tác này đã đặt ra mục tiêu trong chiến lược phát triển dài hạn của công ty nhưng đến nay chưa được triển khai đúng kế hoạch.
- Hoàn thiện các qui trình kinh doanh: Trong năm đã triển khai kế hoạch hoàn thiện các qui trình cung cấp dịch vụ, qui trình hoạt động khai thác, kinh doanh... nhưng chưa được triển khai đúng kế hoạch.
- Đầu tư phát triển hạ tầng kho bãi: Trong năm công ty định hướng đầu tư phát triển hệ thống kho, phục vụ hoạt động kinh doanh tại các khu vực then chốt như Phú Mỹ nhưng do nhiều lý do khách quan vẫn chưa triển khai được trong năm 2012.

**4.5. Hoạt động các ngành nghề kinh doanh:**

■ **Vận tải Quốc tế:**

- Doanh thu đạt 89% và lợi nhuận đạt 87% so với năm 2011.
- Năm 2012 là một năm đầy áp lực đối với các đơn vị, chi nhánh hoạt động trong lĩnh vực logistics, giao nhận quốc tế (Forwarding). Áp lực từ nguy cơ nợ xấu, nguồn hàng ít, công suất khai thác thừa, cắt giảm chi phí trung gian, giảm giá bán dịch vụ và áp lực duy trì & giành lợi thế cạnh tranh khiến cho lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 giảm so với dự kiến kế hoạch.
- Áp lực từ phía các đối thủ là rất lớn, thị trường giảm, rất nhiều trường hợp phá giá để duy trì hoạt động. Thêm nữa, các đối tác nước ngoài đang tiếp tục mở rộng chi nhánh, đầu tư chiếm lĩnh thị trường Việt Nam khiến cho các doanh nghiệp trong nước cũng đau đầu tìm hướng giữ vững lợi thế cạnh tranh.

o **Vận chuyển hàng không:**

- Phát triển được khách hàng lớn, có lượng hàng đều và ổn định.
- Phát triển được một số đại lý mới có giá cả cạnh tranh, có hàng chỉ định kể cả sea và air.
- Duy trì được mối quan hệ mật thiết với các đối tác và nhà cung cấp chiến lược như Vietnamairline; Singaporeairline, Airfrance...



**o Vận chuyển đường biển:**

- Sản lượng hàng hóa xuất nhập khẩu sụt giảm, đặc biệt là hàng “không chỉ định” (freehand). Trong khi, hàng chỉ định vấp phải những đối thủ thương hiệu lớn toàn cầu vốn có lợi thế lớn về hệ thống và cơ sở hạ tầng.
- Hệ thống đại lý mặc dù có cải thiện nhưng vẫn chưa tạo được bước đột phá lớn để có thể cạnh tranh với các đối thủ giao nhận quốc tế (forwarder) lớn toàn cầu.

**■ Hoạt động Giao nhận Nội địa:**

- Doanh thu đạt 93,8% và lợi nhuận đạt 57,3% so với năm 2011.
- Bắt đầu từ ngày 01/10/2012 mảng giao nhận của XN Quốc tế được sáp nhập vào mảng giao nhận của XN Kho vận Giao nhận. Việc thay đổi này phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của công ty trong việc chuyên môn hóa ngành nghề giúp tăng sức cạnh tranh và giảm chi phí.
- Mảng giao nhận cũng không thoát khỏi ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, sản lượng giao nhận giảm, giá thành tăng, giá bán cạnh tranh gay gắt thậm chí phải đối mặt với áp lực phá giá, một số đối thủ cạnh tranh mới xuất phát từ cán bộ nhân viên cũ của công ty đã nghỉ việc không ngừng lôi kéo khách hàng.
- Lượng hàng truyền thống của các đơn vị như thức ăn gia súc vốn chiếm tỷ trọng lớn về doanh thu và lợi nhuận sụt giảm nhiều kể cả hàng xá và container.

**■ Hoạt động Kinh doanh Kho bãi:**

- Doanh thu tăng 15% và lợi nhuận tăng 10% so với năm 2011.
- Diện tích khai thác dần bị thu hẹp tại một số địa điểm chiến lược như Phú Mỹ, Long An mà chưa có phương án đầu tư bổ sung diện tích.
- Cơ sở hạ tầng kho của Sotrans tiêu chuẩn thấp, không đáp ứng được yêu cầu lưu trữ của nhiều mặt hàng khiến cho việc phụ thuộc vào nhu cầu lưu trữ của một số mặt hàng không đòi hỏi nhiều như thức ăn gia súc, phân bón, xi măng, sắt, thép... mà trong thời gian qua các sản lượng lưu trữ các mặt hàng này sụt giảm dẫn đến lưu kho sụt giảm.
- Trong khi đó, các đối tác cung cấp cơ sở hạ tầng kho thuê ngoài lại tăng giá, nhằm gây sức ép giành lại kho trực tiếp khai thác do sau thời gian hợp tác, cho thuê họ thấy nghiệp vụ kho đơn giản, dễ thực hiện lại tốn chi phí trung gian cho Sotrans không cần thiết và đối tác đã nắm được nghiệp vụ khai thác kho.

**■ Hoạt động khai thác Cảng thông quan nội địa:**

- Doanh thu tăng 24% và lợi nhuận tăng 65,5% so với năm 2011 do hoạt động kinh doanh Cảng đang trong quá trình phát triển.
- Năm 2012 hoạt động khai thác cảng có thay đổi bộ máy tổ chức, thay đổi một số vị trí cán bộ quản lý chủ chốt và cán bộ sales, tư tưởng của CB-CNV bị dao động, bất ổn nội bộ và áp lực của các đối tác cung cấp (rút phương tiện xếp dỡ, ...) gây áp lực lớn đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Hoạt động khai thác Cảng tăng mạnh ở lượng hàng xuất, tăng 30,249 teus và giảm nhẹ ở lượng hàng nhập 1,986 teus, so với sản lượng khai thác trong năm 2012.

**o Công tác điều hành sản xuất:**

Sắp xếp lại tổ chức, rà soát các nhà thầu cung cấp nhằm nâng cao năng lực xếp dỡ, nâng cao chất lượng dịch vụ.

## KẾ HOẠCH NĂM 2013

Doanh thu:  
**574** tỉ đồng

Lợi nhuận  
trước thuế:  
**32,5** tỉ đồng

Cổ tức:  
**18 %**

### o **Phát triển và mở rộng quan hệ đối tác và dịch vụ:**

- Thực hiện 100% việc tái ký kết với các đối tác hãng tàu và khách hàng, tiếp tục mở rộng việc ký kết thêm 03 hãng tàu mới là: Heung-A, STX và MSC. Đồng thời khai thác thêm nhiều chủ hàng gạo đóng bãi, khách hàng hàng hạ bãi chờ xuất, tăng sản lượng hàng hoá thông qua cảng, mang nguồn thu lớn về cho đơn vị. Ký kết thêm đối tác mới, nâng tổng số lên 19 hãng tàu, 06 cảng container, 04 cảng nội địa. Phát triển dịch vụ sửa chữa vệ sinh container (MNR).

### ■ **Hoạt động Kinh doanh Xăng dầu:**

- Doanh thu xăng dầu tăng 2% và lợi nhuận tăng 22,5%. Kinh doanh nhớt lỗ 580 triệu đồng.
- Bắt đầu từ 01/10/2012 Công ty chính thức chấm dứt hoạt động phân phối dầu nhớt Valvoline do không đạt hiệu quả đề ra. Mảng kinh doanh xăng dầu chỉ tập trung vào việc phân phối xăng dầu, tái cơ cấu tổ chức tinh gọn bộ máy hoạt động, giảm chi phí.
- Suy thoái kinh tế làm ảnh hưởng đến sản lượng từ những khách hàng lớn truyền thống (có khách hàng giảm 40% đến 50% sản lượng). Sản lượng hiện tại đa phần là từ khách hàng mua lẻ.

## V. **KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2013:**

### 5.1. **Kế hoạch tổng thể:**

Kế hoạch tổng thể gồm 2 chỉ tiêu cơ bản là doanh thu và lợi nhuận trước thuế.

- Doanh thu: 574 tỉ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 32,5 tỉ đồng.
- Cổ tức: 18 %.

### **Mục tiêu chính:**

#### **1. Tăng cường kiểm soát kinh doanh:**

- Kiểm soát tài chính: Xây dựng mô hình quản lý tài chính tập trung nhằm kiểm soát chặt chẽ dòng tiền ngay tại các đơn vị thành viên.
- Kiểm soát qui trình ký kết hợp đồng kinh doanh từ các đơn vị, tập trung quản lý khách hàng và các đối tác lớn.
- Kiểm soát chặt chẽ công nợ, tạm ứng, chi hộ, phòng ngừa rủi ro tài chính.

#### **2. Đầu tư ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý doanh nghiệp:**

- Xây dựng qui trình quản lý tổng thể thông qua ứng dụng công nghệ thông tin.
- Đáp ứng nhu cầu kiểm soát kinh doanh theo thời gian thực.
- Gắn kết với việc hoàn thiện qui trình kinh doanh.

#### **3. Định hướng chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại khu vực Thủ Đức và Quận 4:**

- Chuẩn bị phương án chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại khu vực Thủ Đức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 thông qua.
- Kết hợp với các đơn vị có năng lực chuẩn bị các khu đất để đáp ứng cho nhu cầu chuyển dịch ICD và hệ thống kho tại khu vực Thủ Đức cũng như Quận 4.
- Thành lập Công ty Bất động sản để triển khai việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại khu vực Thủ Đức và Quận 4.

#### **4. Đầu tư phát triển hệ thống kho bãi:**

- Tiếp tục nghiên cứu triển khai hệ thống kho tại các khu vực then chốt như Phú Mỹ, Đồng Nai, Bình Dương.

- Nâng cấp hệ thống kho hiện hữu nhằm phát triển giá trị gia tăng trên từng m<sup>2</sup> kho.

■ **5. Tiếp tục phát triển nguồn nhân lực:**

- Tập trung đào tạo nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực chất lượng phục vụ cho sự phát triển của công ty.
- Xây dựng chính sách lương thưởng hợp lý đáp ứng cho nhu cầu nhân sự.

**5.2. Kế hoạch tài chính 2013 và phân phối lợi nhuận 2012:**

| STT | CÁC CHỈ TIÊU                                                    | ĐVT   | KẾ HOẠCH NĂM 2013 |
|-----|-----------------------------------------------------------------|-------|-------------------|
| 1   | Vốn điều lệ                                                     | Đồng  | 83,518,570,000    |
| 2   | Tổng doanh thu                                                  | "     | 574,000,000,000   |
| 3   | Doanh thu thuần                                                 | "     | 574,000,000,000   |
| 4   | Tổng chi phí                                                    | "     | 541,500,000,000   |
| 5   | Lợi nhuận trước thuế                                            | "     | 32,500,000,000    |
| 6   | Thuế thu nhập doanh nghiệp                                      | "     | 8,125,000,000     |
| 7   | Lợi nhuận sau thuế                                              | "     | 24,375,000,000    |
| 8   | Phân phối lợi nhuận sau thuế (A)                                | "     | 24,375,000,000    |
|     | - Quỹ dự phòng tài chính=3%A                                    | "     | 731,250,000       |
|     | -Trả cổ tức:                                                    | "     |                   |
|     | +Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá                                          | %     | <b>18</b>         |
|     | + Số tiền trả cổ tức                                            | Đồng  | 15,033,342,600    |
|     | - Quỹ khen thưởng, phúc lợi = 12%A                              | "     | 2,925,000,000     |
|     | - Thù lao HĐQT, BKS                                             | "     | 609,375,000       |
|     | + Thù lao HĐQT = 2%A                                            | "     | 487,500,000       |
|     | + Thù lao BKS = 0,5%A                                           | "     | 121,875,000       |
|     | - Trích quỹ xã hội từ thiện                                     | "     | 200,000,000       |
|     | - Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 5% A                           | "     | 1,218,750,000     |
|     | - Quỹ đầu tư phát triển 8%A/14%A                                | "     | 3,412,500,000     |
|     | - Lãi nhuận còn lại chưa phân phối                              | "     | 244,782,400       |
| 9   | Số lao động bình quân                                           | Người | 345               |
| 10  | Đơn giá tiền lương được hưởng                                   | %     | <b>59</b>         |
| 11  | Tổng quỹ lương được trích=(10)*(Tổng thu - chi phí trước lương) | Đồng  | 46,768,292,683    |

**Ghi chú:** dự kiến trích tăng thêm quỹ khen thưởng phúc lợi 2012, 2013 vì:

- Quỹ phúc lợi phân phối từ LNST năm 2012 tăng thêm khoảng 350 triệu dùng để chi các khoản như: hội thao nội bộ, hội thao với đối tác KH năm 2012, 2013,...(năm 2012 không có).
- Năm 2013 do nguồn Kinh phí công đoàn giảm khoảng 600 triệu đồng so với 2012 (vì KPCĐ 2013 được trích trên lương đóng BHXH).
- Quỹ khen thưởng phân phối tăng thêm khoảng 350 triệu để chi thưởng cho các khách hàng, đối tác góp phần trong lợi nhuận của Công ty nhân dịp tết âm lịch 2013.



### 5.3. Chỉ tiêu kế hoạch từng đơn vị:

| TT | Đơn vị                  | Doanh thu        | Lãi nộp       |
|----|-------------------------|------------------|---------------|
| 1  | XN ĐL GNVN Quốc tế      | 70,000           | 4,000         |
| 2  | XN DV Kho Vận Giao nhận | 142,000          | 16,000        |
| 3  | XN DV Kho Bãi Cảng      | 40,000           | 10,000        |
| 4  | XN GNVN QT Tiêu Điểm    | 55,000           | 2,600         |
| 5  | XN Vật tư Xăng dầu      | 170,000          | 3,300         |
| 6  | Chi nhánh Hà nội        | 25,000           | 1,200         |
| 7  | Cảng kho vận            | 68,000           | 13,500        |
|    | <b>Tổng cộng:</b>       | <b>570,000 *</b> | <b>50,600</b> |

Đơn vị tính: triệu đồng,

\* Doanh thu tài chính: 4,000 triệu đồng, Tổng cộng: 574,000 triệu đồng.

### 5.4. Kế hoạch cụ thể từng hoạt động chức năng:

#### ■ Công tác Nhân sự:

- Đảm bảo quản lý & sử dụng nguồn nhân lực hiệu quả và tiết kiệm, bám sát tình hình hoạt động thực tế tại đơn vị & chi nhánh để chủ động điều động, tái bố trí nhân sự nội bộ, tuyển dụng mới & đào tạo kịp thời, thực tế.
- Tăng cường phát triển văn hóa doanh nghiệp thông qua các buổi giao lưu, hội thảo, hoạt động xã hội, đào tạo theo hướng chủ động và tích cực.

#### ■ Công tác Kế toán Tài chính:

- Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền. Tiếp tục xây dựng chương trình tiết kiệm chi phí 2013. Đặt mục tiêu cắt giảm 10 – 15 % so với mức giảm năm 2012.
- Kiểm soát chặt chẽ công nợ, phòng ngừa rủi ro.

#### ■ Công tác Marketing:

##### Chiến lược thương hiệu:

- Phát triển chiến lược thương hiệu giai đoạn 2 bằng việc Khẳng định năng lực hoạt động của Sotrans trong ngành dịch vụ logistics. Khách hàng sẽ tiếp cận Sotrans với một tầm vóc mới trong ngành dịch vụ Logistics. Ý tưởng thực hiện đã bắt đầu được triển khai.

##### Phối hợp Sales - Marketing:

- Tăng cường hoạt động Marketing phối hợp sales thông qua các hoạt động chăm sóc khách hàng theo qui luật 20-80.

##### Hoạt động Marketing nội bộ:

- Đẩy mạnh các hoạt động Marketing nội bộ nhằm xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc hứng khởi, nâng cao hiệu quả công việc.

#### ■ Công tác Nghiên cứu & Phát triển:

- Nghiên cứu & xây dựng đề án áp dụng công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh.
- Xây dựng và phân tích các dự án đầu tư phù hợp theo định hướng phát triển của công ty.

#### ■ Công tác Kiểm soát nội bộ:

- Hoàn thiện chương trình kế hoạch thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Phát hiện, ngăn chặn các rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động tại đơn vị.
- Bảo đảm tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ.

■ **Công tác IT & Quản lý công nghệ thông tin:**

- Dựa trên định hướng chiến lược phát triển kinh doanh ngắn hạn và trung hạn (từ 03 đến 05 năm) và định hướng ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kinh doanh xây dựng phương án đầu tư cơ sở hạ tầng IT phù hợp.

Phối hợp với Ban NCPT nghiên cứu chọn lựa các ứng dụng và hệ thống phần mềm quản trị phù hợp tùy theo nguồn lực và khả năng tài chính.

**5.5. Kế hoạch kinh doanh từng ngành nghề:**

■ **Vận tải Quốc tế:**

- Tăng cường phát triển hệ thống đại lý mới, đặc biệt đối với các đại lý mạnh, có hàng chỉ định.  
Tăng cường tuyển dụng, đào tạo nhân sự sales, chăm sóc khách hàng giỏi, có kinh nghiệm.
- Quản lý tốt chi phí và sử dụng các nguồn lực tài chính.
- Duy trì tốt các mối quan hệ mật thiết với các đối tác cung cấp chiến lược.

■ **Giao nhận Nội địa:**

- Nâng cao nghiệp vụ của nhân viên giao nhận, tổ chức bộ máy tác nghiệp theo hướng tinh gọn, tăng năng suất lao động.
- Tiết kiệm chi phí, tăng cường quản lý chi phí chi hộ và tạm ứng của nhân viên.

■ **Kinh doanh Kho bãi:**

- Đàm phán giữ giá dịch vụ đầu vào trong tình hình kinh tế khó khăn.
- Cắt giảm các khu vực kho ít hàng hoặc không có hàng để tăng hiệu quả sức chứa và dịch vụ tại các khu vực kho tập trung.
- Nghiên cứu khai thác kho hàng chứa kệ (hàng pallet), chứa hàng hóa điện tử, máy tính, điện thoại di động, linh kiện điện tử lớn.
- Nghiên cứu khai thác thị trường kho nhu cầu diện tích sử dụng nhỏ lẻ, hệ số sử dụng diện tích kho cao, nằm trong vành đai các khu vực đô thị.

■ **Khai thác Cảng thông quan nội địa:**

- Tiếp tục mở rộng việc ký kết hợp đồng hãng tàu trong năm 2013.
- Đẩy mạnh khai thác sản lượng hàng đóng bãi, đặc biệt là hàng gạo, hàng hạ bãi chờ xuất, nhằm tiếp tục tăng sản lượng hàng hoá thông qua cảng.
- Tiếp tục khai thác lượng hàng nhập, hàng rút ruột từ các chủ hàng, hãng tàu và cảng chuyển về Sotrans ICD.
- Triển khai việc thực hiện báo cáo tự động – EDI đối với hãng tàu, tránh sai sót.

■ **Kinh doanh Xăng dầu:**

- Tập trung phát triển kinh doanh xăng dầu, cắt giảm kinh doanh nhớt.

## VI. KẾT LUẬN:

Năm 2012 tình hình kinh tế có dấu hiệu hồi phục nhưng còn chậm, giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu đều tăng nhưng sản lượng giảm dẫn đến sản lượng vận tải toàn ngành giảm mạnh nhất là vận tải quốc tế. Điều đó ảnh hưởng chính đến hoạt động kinh doanh của công ty. Trong năm công ty đã từng bước thực hiện quản lý chặt chẽ và cắt giảm chi phí đồng thời phát triển nâng cao chất lượng dịch vụ để đứng vững trong bối cảnh hiện nay. Việc tái cấu trúc, loại bỏ các hoạt động kinh doanh không hiệu quả, phân tách sáp nhập một số ngành nghề kinh doanh sẽ mang lại hiệu quả trong thời gian tới.

Năm 2013 sẽ vẫn còn là năm khó khăn cho ngành dịch vụ logistics, bằng nhiều biện pháp cụ thể từng ngành nghề, từng bộ phận chức năng sẽ giúp công ty duy trì được năng lực và cũng như hiệu quả những năm qua.

Ngày 18 tháng 01 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG VŨ THÀNH

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS.
- Ban TGD.
- Thủ trưởng các đơn vị, phòng ban trực thuộc.







PHẦN 4:

---

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

|                      |                                                                                     |
|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| Bà Đoàn Thị Đông     | Chủ tịch                                                                            |
| Bà Nguyễn Thị Diệu   | Phó Chủ tịch (từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2012)                                    |
| Ông Đặng Vũ Thành    | Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2012)                                      |
| Ông Trần Mạnh Đức    | Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2012)                                      |
| Ông Đinh Quang Hoàn  | Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2012)                                      |
| Ông Khuất Tùng Phong | Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2012 và từ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2012) |
| Ông Tô Hải           | Thành viên (từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2012)                                      |
| Ông Nguyễn Thế Vinh  | Thành viên (từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2012)                                      |
| Ông Trần Quyết Thắng | Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2012)                                      |
| Ông Lê Việt Thành    | Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2012)                                      |

#### Ban Tổng Giám đốc

|                   |                                                      |
|-------------------|------------------------------------------------------|
| Ông Đặng Vũ Thành | Tổng Giám đốc                                        |
| Bà Đoàn Thị Đông  | Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2013) |
| Ông Trần Mạnh Đức | Phó Tổng Giám đốc                                    |

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

**Đặng Vũ Thành**

**Tổng Giám đốc**

Ngày 22 tháng 2 năm 2013



Số: 0227 /Deloitte-AUDHCM-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (gọi tắt là "Công ty"), lập ngày 22 tháng 2 năm 2013, từ trang 3 đến trang 24. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**Lê Đình Tứ**

**Phó Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0488/KTV

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 22 tháng 2 năm 2013

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Huỳnh Vũ Đại Trọng**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ kiểm toán viên số 1204/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM**

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 01-DN**

Đơn vị: VNĐ

| <b>TÀI SẢN</b>                                          | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>31/12/2012</b>      | <b>31/12/2011</b>      |
|---------------------------------------------------------|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b><br>(100=110+120+130+140+150) | <b>100</b>   |                    | <b>136.062.901.110</b> | <b>123.923.083.960</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>            | <b>110</b>   | <b>5</b>           | <b>62.477.239.278</b>  | <b>56.839.351.320</b>  |
| 1. Tiền                                                 | 111          |                    | 4.119.169.621          | 4.835.728.189          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                           | 112          |                    | 58.358.069.657         | 52.003.623.131         |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>          | <b>120</b>   | <b>6</b>           | <b>2.672.781.360</b>   | <b>2.409.966.840</b>   |
| 1. Đầu tư ngắn hạn                                      | 121          |                    | 6.979.120.100          | 6.979.120.100          |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn                    | 129          |                    | (4.306.338.740)        | (4.569.153.260)        |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>                 | <b>130</b>   |                    | <b>59.364.550.018</b>  | <b>55.694.266.046</b>  |
| 1. Phải thu khách hàng                                  | 131          |                    | 56.467.180.551         | 48.302.465.144         |
| 2. Trả trước cho người bán                              | 132          |                    | 1.066.244.156          | 1.252.471.681          |
| 3. Các khoản phải thu khác                              | 135          |                    | 3.641.602.832          | 7.415.773.968          |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                   | 139          | 7                  | (1.810.477.521)        | (1.276.444.747)        |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                                 | <b>140</b>   |                    | <b>3.667.811.986</b>   | <b>4.057.443.164</b>   |
| 1. Hàng tồn kho                                         | 141          | 8                  | 3.667.811.986          | 4.057.443.164          |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                         | <b>150</b>   |                    | <b>7.880.518.468</b>   | <b>4.922.056.590</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                           | 151          |                    | 1.006.319.659          | 595.461.503            |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ                  | 152          |                    | 2.815.768              | 68.233.332             |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước             | 154          |                    | 147.660.765            | 653.589.111            |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác                                | 158          | 9                  | 6.723.722.276          | 3.604.772.644          |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b><br>(200=210+220+240+250+260)  | <b>200</b>   |                    | <b>33.242.520.509</b>  | <b>38.643.473.902</b>  |
| <b>I. Tài sản cố định</b>                               | <b>220</b>   |                    | <b>30.978.074.493</b>  | <b>35.761.175.903</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                             | 221          | 10                 | 29.623.322.795         | 34.182.685.705         |
| - Nguyên giá                                            | 222          |                    | 99.048.737.288         | 98.408.597.620         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                | 223          |                    | (69.425.414.493)       | (64.225.911.915)       |
| 2. Tài sản cố định vô hình                              | 227          | 11                 | 1.354.751.698          | 1.578.490.198          |
| - Nguyên giá                                            | 228          |                    | 2.534.943.731          | 2.534.943.731          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                | 229          |                    | (1.180.192.033)        | (956.453.533)          |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>           | <b>250</b>   |                    | <b>1.680.000.000</b>   | <b>1.680.000.000</b>   |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết                          | 252          | 12                 | 1.680.000.000          | 1.680.000.000          |
| <b>III. Tài sản dài hạn khác</b>                        | <b>260</b>   |                    | <b>584.446.016</b>     | <b>1.202.297.999</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                            | 261          | 13                 | 408.517.416            | 813.369.399            |
| 2. Tài sản dài hạn khác                                 | 268          |                    | 175.928.600            | 388.928.600            |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>                  | <b>270</b>   |                    | <b>169.305.421.619</b> | <b>162.566.557.862</b> |

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM**

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VNĐ

| NGUỒN VỐN                                     | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2012             | 31/12/2011             |
|-----------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|                                               |            |             |                        |                        |
| <b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>           | <b>300</b> |             | <b>40.784.687.703</b>  | <b>36.685.793.030</b>  |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                         | <b>310</b> |             | <b>40.216.811.703</b>  | <b>35.963.815.481</b>  |
| 1. Phải trả người bán                         | 312        |             | 28.835.899.275         | 23.960.739.800         |
| 2. Người mua trả tiền trước                   | 313        |             | 401.140.262            | 280.479.408            |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 314        | 14          | 3.124.736.596          | 2.812.708.795          |
| 4. Phải trả người lao động                    | 315        |             | 4.243.114.288          | 4.840.831.002          |
| 5. Chi phí phải trả                           | 316        |             | 212.218.008            | 532.574.435            |
| 6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319        | 15          | 2.812.755.373          | 2.304.976.704          |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                  | 323        |             | 586.947.901            | 1.231.505.337          |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                         | <b>330</b> |             | <b>567.876.000</b>     | <b>721.977.549</b>     |
| 1. Phải trả dài hạn khác                      | 333        |             | 567.876.000            | 425.096.000            |
| 2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm              | 336        |             | -                      | 296.881.549            |
| <b>B. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>             | <b>400</b> |             | <b>128.520.733.916</b> | <b>125.880.764.832</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                      | <b>410</b> | <b>16</b>   | <b>128.520.733.916</b> | <b>125.880.764.832</b> |
| 1. Vốn điều lệ                                | 411        |             | 83.518.570.000         | 83.518.570.000         |
| 2. Vốn khác của chủ sở hữu                    | 413        |             | 5.654.810.040          | 4.453.538.386          |
| 3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                 | 416        |             | -                      | 37.257.128             |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển                      | 417        |             | 20.836.829.464         | 18.434.286.157         |
| 5. Quỹ dự phòng tài chính                     | 418        |             | 4.078.708.499          | 3.763.537.087          |
| 6. Lợi nhuận chưa phân phối                   | 420        |             | 14.431.815.913         | 15.673.576.074         |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>      | <b>440</b> |             | <b>169.305.421.619</b> | <b>162.566.557.862</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM**

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

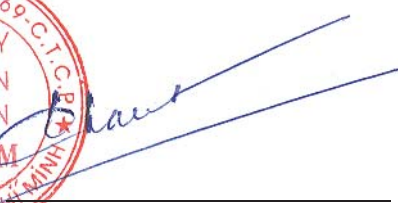
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**

| <b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>       | <b>Thuyết minh</b> | <b>MẪU SỐ B 01-DN</b> |                   |
|------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|-------------------|
|                                                      |                    | <b>31/12/2012</b>     | <b>31/12/2011</b> |
| 1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VNĐ) | 002                | 504.987.308.658       | 481.866.865.792   |
| 2. Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)                         | 004                | 624.958.040           | 219.366.460       |
| 3. Ngoại tệ (USD)                                    | 007                | 49.268.37             | 597.679,32        |
| 4. Ngoại tệ (EUR)                                    | 007                | <u>553,51</u>         | <u>7.720,76</u>   |

Giá trị vật tư hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày kết thúc niên độ kế toán thể hiện giá trị của các loại hàng hóa đang được gửi tại các kho của Công ty theo các hợp đồng cho thuê kho.

  
**Đặng Vũ Thành**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 22 tháng 2 năm 2013

  
**Trương Văn Thuận**  
**Kế toán trưởng**  
**Lê Minh Hải**  
**Người lập**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM**

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 02-DN**

Đơn vị: VNĐ

| CHỈ TIÊU                                                            | Mã số | Thuyết minh | 2012              | 2011              |
|---------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                           | 01    | 18          | 607.333.539.266   | 619.669.801.000   |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                                     | 02    |             | -                 | -                 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)       | 10    |             | 607.333.539.266   | 619.669.801.000   |
| 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp                             | 11    | 19          | (494.863.939.410) | (504.134.238.211) |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)         | 20    |             | 112.469.599.856   | 115.535.562.789   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                    | 21    | 21          | 5.551.121.412     | 6.865.369.757     |
| 7. Chi phí tài chính                                                | 22    | 22          | (150.080.908)     | (1.864.903.355)   |
| Trong đó: Chi phí lãi vay                                           | 23    |             | (12.856.111)      | (7.901.215)       |
| 8. Chi phí bán hàng                                                 | 24    |             | (72.337.057.705)  | (75.172.267.915)  |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                     | 25    |             | (13.278.489.079)  | (13.573.611.321)  |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25)) | 30    |             | 32.255.093.576    | 31.790.149.955    |
| 11. Thu nhập khác                                                   | 31    |             | 602.551.452       | 613.702.804       |
| 12. Chi phí khác                                                    | 32    |             | (19.384.066)      | (587.548.914)     |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32)                                       | 40    | 23          | 583.167.386       | 26.153.890        |
| 14. Lợi nhuận trước thuế (40=31-32)                                 | 50    |             | 32.838.260.962    | 31.816.303.845    |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                    | 51    | 24          | (8.038.082.990)   | (7.790.870.771)   |
| 16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)                                | 60    |             | 24.800.177.972    | 24.025.433.074    |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                        | 70    | 25          | <u>2.969</u>      | <u>2.877</u>      |



**Đặng Vũ Thành**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 22 tháng 2 năm 2013

**Trương Văn Thuận**  
**Kế toán trưởng**

**Lê Minh Hải**  
**Người lập**

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM**

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 03-DN**

Đơn vị: VNĐ

| CHỈ TIÊU                                                         | Mã số     | 2012                    | 2011                    |
|------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------|-------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                |           |                         |                         |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                          | 01        | 32.838.260.962          | 31.816.303.845          |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                     |           |                         |                         |
| Khấu hao tài sản cố định                                         | 02        | 5.562.633.005           | 6.610.334.943           |
| Các khoản dự phòng                                               | 03        | 271.218.254             | 2.054.555.406           |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện                    | 04        | 69.770                  | -                       |
| Lãi từ hoạt động đầu tư                                          | 05        | (5.229.617.746)         | (4.833.724.720)         |
| Chi phí lãi vay                                                  | 06        | 12.856.111              | 7.901.215               |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08        | 33.455.420.356          | 35.655.370.689          |
| Thay đổi các khoản phải thu                                      | 09        | (7.136.332.115)         | 9.189.668.579           |
| Thay đổi hàng tồn kho                                            | 10        | 389.631.178             | (1.524.946.246)         |
| Thay đổi các khoản phải trả                                      | 11        | 3.959.996.407           | (9.506.157.119)         |
| Thay đổi chi phí trả trước                                       | 12        | (6.006.173)             | 890.694.379             |
| Tiền lãi vay đã trả                                              | 13        | (12.856.111)            | (7.901.215)             |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                | 14        | (7.754.870.771)         | (7.485.774.127)         |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                            | 15        | 1.250.976.502           | 2.396.589.338           |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                           | 16        | (4.640.422.782)         | (6.919.129.336)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>             | <b>20</b> | <b>19.505.536.491</b>   | <b>22.688.414.942</b>   |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                   |           |                         |                         |
| 1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác      | 21        | (783.993.895)           | (369.012.867)           |
| 2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định                          | 22        | 818.181                 | 192.550.000             |
| 3. Tiền thu hồi từ bán lại các cổ phiếu                          | 24        | -                       | (36.050.000)            |
| 4. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia                        | 27        | 5.293.512.396           | 4.541.919.092           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                 | <b>30</b> | <b>4.510.336.682</b>    | <b>4.329.406.225</b>    |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>               |           |                         |                         |
| 1. Tiền vay ngắn hạn nhận được                                   | 33        | 13.152.384.262          | 4.000.000.000           |
| 2. Tiền chi trả nợ gốc vay                                       | 34        | (13.152.384.262)        | (4.000.000.000)         |
| 3. Cổ tức đã trả                                                 | 36        | (18.357.195.700)        | (16.828.392.798)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>              | <b>40</b> | <b>(18.357.195.700)</b> | <b>(16.828.392.798)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>       | <b>50</b> | <b>5.658.677.473</b>    | <b>10.189.428.369</b>   |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                          | <b>60</b> | <b>56.839.351.320</b>   | <b>46.144.280.101</b>   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ          | 61        | (20.789.515)            | 505.642.850             |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                         | <b>70</b> | <b>62.477.239.278</b>   | <b>56.839.351.320</b>   |

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi trả cổ tức và thu từ lãi trong năm không bao gồm số tiền lần lượt là 142.270.893 đồng (năm 2011: 125.381.193 đồng) và 263.943.036 đồng (năm 2011: 324.193.567 đồng) là số cổ tức đã công bố trong năm nhưng chưa thanh toán và khoản lãi dự thu nhưng chưa thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả và các khoản phải thu.



**Đặng Vũ Thành**  
Tổng giám đốc

Ngày 22 tháng 2 năm 2013

  
**Trương Văn Thuận**  
Kế toán trưởng

  
**Lê Minh Hải**  
Người lập

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính





# SOTRANS

*We make it simple !*



# 38

năm kinh nghiệm  
trong hoạt động khai báo hải quan  
và giao nhận hàng hóa XNK !

[www.sotrans.com.vn](http://www.sotrans.com.vn)







## PHẦN 5:

---

# BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM**

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Kho Vận Miền Nam theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM ngày 27 tháng 9 năm 2006 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300645369 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và thay đổi lần thứ 7 ngày 1 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (“SCIC”) với tỷ lệ sở hữu chiếm 47,73% vốn điều lệ của Công ty, tương đương với quyền biểu quyết tương ứng. Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 4 tháng 2 năm 2010 với mã cổ phiếu là STG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 330 người (năm 2011: 350 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc, xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức, đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh, kinh doanh kho ngoại Quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa, đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), sản xuất gia công các sản phẩm dầu nhớt, dầu mỡ bôi trơn, sản xuất bao bì các loại (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ), mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt - nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng, mua bán hàng may mặc và nguyên phụ liệu may mặc, kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở), kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế, đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa, đại lý bảo hiểm, cho thuê xe ô tô, mua bán phụ gia, nguyên liệu pha chế dầu nhờn, kinh doanh bất động sản, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng, đại lý bán vé tàu thủy, bán buôn phân bón, bình ắc quy.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn và dài hạn.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và nhận ký cược, ký quỹ dài hạn.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM**

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

|                            | <u>Số năm</u> |
|----------------------------|---------------|
| Nhà xưởng và vật kiến trúc | 6 - 40        |
| Máy móc và thiết bị        | 6 - 10        |
| Thiết bị văn phòng         | 3 - 5         |
| Phương tiện vận tải        | 6 - 10        |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và trang web được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện quyền Công ty sử dụng lô đất tại 36/1 Sương Nguyệt Ánh, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, CHXHCN Việt Nam trong 50 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng của lô đất.

Phần mềm máy tính và trang web được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM**

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư tài chính dài hạn là các khoản đầu tư vào công ty liên kết được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch này. Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá khoản đầu tư.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được xem là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM**

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các quỹ**

Công ty được trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo điều lệ Công ty và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM**

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                            | 31/12/2012                   | 31/12/2011                   |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|
|                            | <u>VNĐ</u>                   | <u>VNĐ</u>                   |
| Tiền mặt                   | 1.267.195.171                | 706.161.400                  |
| Tiền gửi ngân hàng         | 2.851.974.450                | 4.129.566.789                |
| Các khoản tương đương tiền | 58.358.069.657               | 52.003.623.131               |
|                            | <b><u>62.477.239.278</u></b> | <b><u>56.839.351.320</u></b> |

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam với thời gian đáo hạn từ 1 tháng đến 3 tháng với lãi suất từ 8% đến 9% (năm 2011: từ 13,5% đến 14%).

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

|                                    | 31/12/2012                  | 31/12/2011                  |
|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
|                                    | <u>VNĐ</u>                  | <u>VNĐ</u>                  |
| <b>Đầu tư chứng khoán ngắn hạn</b> |                             |                             |
| Chứng khoán đã niêm yết            | 4.516.720.100               | 4.516.720.100               |
| Chứng khoán chưa niêm yết          | 2.462.400.000               | 2.462.400.000               |
|                                    | <u>6.979.120.100</u>        | <u>6.979.120.100</u>        |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn  | (4.306.338.740)             | (4.569.153.260)             |
|                                    | <b><u>2.672.781.360</u></b> | <b><u>2.409.966.840</u></b> |

Công ty trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dựa trên giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối năm tài chính đối với những chứng khoán niêm yết. Đối với những chứng khoán chưa niêm yết, Công ty trích lập dự phòng dựa trên báo giá trung bình của 3 công ty chứng khoán, trường hợp không thu thập được giá thị trường của chứng khoán chưa niêm yết thì Công ty không trích lập dự phòng.

**7. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

|                                       | 31/12/2012                  | 31/12/2011                  |
|---------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
|                                       | <u>VNĐ</u>                  | <u>VNĐ</u>                  |
| Công ty TNHH Dos-Text Việt Nam (*)    | 789.775.980                 | 789.887.871                 |
| Công ty TNHH Glory Oceanic (Việt Nam) | 442.926.708                 | -                           |
| Công ty TNHH TM DV XNK Hiệp Tiến Phát | 259.576.268                 | 207.911.620                 |
| Công Ty Cổ Phần Dabaco Tiền Giang     | 241.404.012                 | -                           |
| Alisped USA                           | -                           | 231.751.073                 |
| Khách hàng khác                       | 76.794.553                  | 46.894.183                  |
|                                       | <b><u>1.810.477.521</u></b> | <b><u>1.276.444.747</u></b> |

(\*) Công ty TNHH Dos-Text Việt Nam được Ban Quản Lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Hưng Yên (thuộc UBND Tỉnh Hưng Yên) quyết định thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 052043000082 (chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 2 năm 2009, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 21 tháng 8 năm 2009). Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã trích lập 100% dự phòng phải thu khó đòi cho Công ty TNHH Dos -Text Việt Nam với số tiền là 789.775.980 đồng. Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Hưng Yên, Cơ quan quyết định thành lập, đã có ý kiến là Công ty TNHH Dos-Text Việt Nam đã ngừng hoạt động, không có khả năng thanh toán theo Công văn trả lời số 499/BQL-DT ngày 27 tháng 10 năm 2011 nên Ban Tổng Giám đốc Công ty đang xem xét việc xử lý tài chính của khoản nợ không có khả năng thu hồi này. Theo Khoản 4 Điều 6 quy định về điều kiện Xử lý tài chính các khoản nợ không có khả năng thu hồi tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 thì đối với tổ chức kinh tế là khách nợ đã ngừng hoạt động, không có khả năng chi trả, điều kiện để xử lý khoản nợ là khi có “Xác nhận của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức đăng ký kinh doanh về việc doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động không có khả năng thanh toán”.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa xử lý khoản nợ không có khả năng thu hồi nói trên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM**

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. HÀNG TỒN KHO**

|                  | 31/12/2012                  | 31/12/2011                  |
|------------------|-----------------------------|-----------------------------|
|                  | <u>VNĐ</u>                  | <u>VNĐ</u>                  |
| Công cụ, dụng cụ | -                           | 16.291.000                  |
| Hàng hoá         | 3.667.811.986               | 4.041.152.164               |
|                  | <b><u>3.667.811.986</u></b> | <b><u>4.057.443.164</u></b> |

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

|                          | 31/12/2012                  | 31/12/2011                  |
|--------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
|                          | <u>VNĐ</u>                  | <u>VNĐ</u>                  |
| Tạm ứng                  | 6.193.537.476               | 3.176.812.644               |
| Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 530.184.800                 | 427.960.000                 |
|                          | <b><u>6.723.722.276</u></b> | <b><u>3.604.772.644</u></b> |

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                               | Nhà xưởng và<br>vật kiến trúc<br><u>VNĐ</u> | Máy móc và<br>thiết bị<br><u>VNĐ</u> | Phương tiện<br>vận tải<br><u>VNĐ</u> | Thiết bị<br>văn phòng<br><u>VNĐ</u> | Tổng<br><u>VNĐ</u>    |
|-------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                                             |                                      |                                      |                                     |                       |
| Tại ngày 1/1/2012             | 50.797.337.102                              | 5.437.641.499                        | 39.810.344.625                       | 2.363.274.394                       | 98.408.597.620        |
| Tăng                          | -                                           | 608.668.438                          | -                                    | 175.325.457                         | 783.993.895           |
| Thanh lý                      | -                                           | (94.085.180)                         | -                                    | (49.769.047)                        | (143.854.227)         |
| Tại ngày 31/12/2012           | <u>50.797.337.102</u>                       | <u>5.952.224.757</u>                 | <u>39.810.344.625</u>                | <u>2.488.830.804</u>                | <u>99.048.737.288</u> |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                                             |                                      |                                      |                                     |                       |
| Tại ngày 1/1/2012             | 41.590.397.865                              | 3.477.102.245                        | 17.662.799.165                       | 1.495.612.640                       | 64.225.911.915        |
| Khấu hao trong năm            | 1.589.108.915                               | 380.036.714                          | 3.096.125.097                        | 273.623.779                         | 5.338.894.505         |
| Thanh lý                      | -                                           | (89.622.880)                         | -                                    | (49.769.047)                        | (139.391.927)         |
| Tại ngày 31/12/2012           | <u>43.179.506.780</u>                       | <u>3.767.516.079</u>                 | <u>20.758.924.262</u>                | <u>1.719.467.372</u>                | <u>69.425.414.493</u> |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                                             |                                      |                                      |                                     |                       |
| Tại ngày 31/12/2012           | <u>7.617.830.322</u>                        | <u>2.184.708.678</u>                 | <u>19.051.420.363</u>                | <u>769.363.432</u>                  | <u>29.623.322.795</u> |
| Tại ngày 31/12/2011           | <u>9.206.939.237</u>                        | <u>1.960.539.254</u>                 | <u>22.147.545.460</u>                | <u>867.661.754</u>                  | <u>34.182.685.705</u> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn đang còn tiếp tục sử dụng với nguyên giá là 43.263.712.847 đồng (năm 2011: 29.206.800.048 đồng). Trong số tài sản cố định hữu hình có một số tài sản tạm thời không sử dụng và đang chờ thanh lý với giá trị còn lại 190.897.445 đồng (năm 2011: 0 đồng).

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

|                                 | Quyền sử<br>dụng đất<br><u>VNĐ</u> | Phần mềm<br>máy tính<br><u>VNĐ</u> | Trang<br>web<br><u>VNĐ</u> | Tổng<br><u>VNĐ</u>   |
|---------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|----------------------------|----------------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>               |                                    |                                    |                            |                      |
| Tại ngày 1/1/2012 và 31/12/2012 | 1.287.550.000                      | 1.069.512.750                      | 177.880.981                | 2.534.943.731        |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>   |                                    |                                    |                            |                      |
| Tại ngày 1/1/2012               | 145.922.356                        | 640.869.123                        | 169.662.054                | 956.453.533          |
| Khấu hao trong năm              | 25.751.004                         | 194.783.904                        | 3.203.592                  | 223.738.500          |
| Tại ngày 31/12/2012             | <u>171.673.360</u>                 | <u>835.653.027</u>                 | <u>172.865.646</u>         | <u>1.180.192.033</u> |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>          |                                    |                                    |                            |                      |
| Tại ngày 31/12/2012             | <u>1.115.876.640</u>               | <u>233.859.723</u>                 | <u>5.015.335</u>           | <u>1.354.751.698</u> |
| Tại ngày 31/12/2011             | <u>1.141.627.644</u>               | <u>428.643.627</u>                 | <u>8.218.927</u>           | <u>1.578.490.198</u> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM**

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần SDB Việt Nam (“Công ty liên kết”), một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41132000017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2007, và các giấy chứng nhận sửa đổi. Hoạt động chính của Công ty liên kết là kinh doanh dịch vụ kho bãi; dịch vụ đại lý vận tải; dịch vụ thủ tục, hải quan; dịch vụ logistics. Giá gốc của khoản đầu tư là 1.680.000.000 đồng (năm 2011: 1.680.000.000 đồng) chiếm 35% (năm 2011: 35%) vốn điều lệ cũng như quyền biểu quyết trong Công ty liên kết. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty liên kết không phát sinh lỗ lũy kế nên không cần trích lập dự phòng.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

|                               | 2012<br><u>VNĐ</u> | 2011<br><u>VNĐ</u> |
|-------------------------------|--------------------|--------------------|
| Số dư đầu năm                 | 813.369.399        | 1.425.272.285      |
| Tăng trong năm                | 213.581.737        | 333.759.730        |
| Phân bổ vào chi phí trong năm | (618.433.720)      | (945.662.616)      |
| Số dư cuối năm                | <b>408.517.416</b> | <b>813.369.399</b> |

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                            | 31/12/2012<br><u>VNĐ</u> | 31/12/2011<br><u>VNĐ</u> |
|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng      | 843.738.111              | 810.667.734              |
| Thuế xuất nhập khẩu        | -                        | -                        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.038.082.990            | 1.754.870.771            |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 242.859.695              | 245.767.203              |
| Các loại thuế khác         | 55.800                   | 1.403.087                |
|                            | <b>3.124.736.596</b>     | <b>2.812.708.795</b>     |

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

|                               | 31/12/2012<br><u>VNĐ</u> | 31/12/2011<br><u>VNĐ</u> |
|-------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Kinh phí công đoàn            | 25.863.591               | 193.651.488              |
| Bảo hiểm y tế                 | 3.817.977                | -                        |
| Bảo hiểm thất nghiệp          | 8.031.074                | -                        |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 1.217.092.496            | 1.180.835.774            |
| Phải trả khác                 | 1.557.950.235            | 930.489.442              |
|                               | <b>2.812.755.373</b>     | <b>2.304.976.704</b>     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM**

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

|                                     | Vốn điều lệ<br>VNĐ    | Vốn khác của<br>chủ sở hữu<br>VNĐ | Chênh lệch tỷ<br>giá hối đoái<br>VNĐ | Quỹ đầu tư<br>và phát triển<br>VNĐ | Quỹ dự phòng<br>tài chính<br>VNĐ | Lợi nhuận chưa<br>phân phối<br>VNĐ | Tổng<br>VNĐ            |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|------------------------|
| Tại ngày 1/1/2011                   | 83.518.570.000        | 2.906.976.300                     | (477.756.234)                        | 10.915.825.004                     | 2.965.054.250                    | 18.603.456.223                     | 118.432.125.543        |
| Lợi nhuận trong năm                 | -                     | -                                 | -                                    | -                                  | -                                | 24.025.433.074                     | 24.025.433.074         |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái          | -                     | -                                 | 515.013.362                          | -                                  | -                                | -                                  | 515.013.362            |
| Phân phối quỹ                       | -                     | 1.546.562.086                     | -                                    | 7.518.461.153                      | 1.589.789.912                    | (10.654.813.151)                   | -                      |
| Chia cổ tức                         | -                     | -                                 | -                                    | -                                  | -                                | (10.857.414.100)                   | (10.857.414.100)       |
| Chi từ quỹ                          | -                     | -                                 | -                                    | -                                  | (522.160.715)                    | -                                  | (522.160.715)          |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | -                     | -                                 | -                                    | -                                  | -                                | (4.824.461.137)                    | (4.824.461.137)        |
| Giảm khác                           | -                     | -                                 | -                                    | -                                  | (269.146.360)                    | (618.624.835)                      | (887.771.195)          |
| <b>Tại ngày 31/12/2011</b>          | <b>83.518.570.000</b> | <b>4.453.538.386</b>              | <b>37.257.128</b>                    | <b>18.434.286.157</b>              | <b>3.763.537.087</b>             | <b>15.673.576.074</b>              | <b>125.880.764.832</b> |
| Lợi nhuận trong năm                 | -                     | -                                 | -                                    | -                                  | -                                | 24.800.177.972                     | 24.800.177.972         |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái          | -                     | -                                 | (37.257.128)                         | -                                  | -                                | -                                  | (37.257.128)           |
| Phân phối quỹ                       | -                     | 1.201.271.654                     | -                                    | 2.402.543.307                      | 720.762.992                      | (4.324.577.953)                    | -                      |
| Chia cổ tức                         | -                     | -                                 | -                                    | -                                  | -                                | (18.374.085.400)                   | (18.374.085.400)       |
| Chi từ quỹ                          | -                     | -                                 | -                                    | -                                  | -                                | -                                  | -                      |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | -                     | -                                 | -                                    | -                                  | -                                | (2.396.515.722)                    | (2.396.515.722)        |
| Giảm khác                           | -                     | -                                 | -                                    | -                                  | (405.591.580)                    | (946.759.058)                      | (1.352.350.638)        |
| <b>Tại ngày 31/12/2012</b>          | <b>83.518.570.000</b> | <b>5.654.810.040</b>              | <b>-</b>                             | <b>20.836.829.464</b>              | <b>4.078.708.499</b>             | <b>14.431.815.913</b>              | <b>128.520.733.916</b> |

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 19 tháng 4 năm 2012, các cổ đông Công ty đã quyết định trả cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 16.703.714.000 đồng (năm 2011 đã tạm trích và trả 8.351.857.000 đồng) từ lợi nhuận chưa phân phối. Cũng tại cuộc họp này, Công ty đã quyết định thanh toán thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát là 480.508.661 đồng. Ngoài ra theo nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 15 tháng 8 năm 2012, Hội đồng quản trị đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 10.022.228.400 đồng.

Các khoản giảm khác từ quỹ dự phòng tài chính bao gồm xử lý nợ phải thu khó đòi đối với Công ty Alisped USA, một khách hàng được xử lý theo quyết định số 214/QĐ-KVMN của Tổng Giám Đốc (căn cứ theo quy chế KTTC ban hành kèm theo QĐ số 396/QĐ-KVMN ngày 29 tháng 9 năm 2011).

Các quỹ đầu tư và phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập theo điều lệ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 số 025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2012.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM**

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 83.518.570.000 đồng. Số lượng cổ phần và mệnh giá cổ phần như sau:

31/12/2012

|                                           |               |
|-------------------------------------------|---------------|
| Số lượng cổ phần được phép phát hành      | 8.351.857     |
| Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ | 8.351.857     |
| Mệnh giá cổ phiếu (VNĐ)                   | <u>10.000</u> |

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Tình hình góp vốn điều lệ Công ty của các cổ đông cùng với tỉ lệ sở hữu tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

|                  | Số lượng cổ phiếu |                  | Vốn đã góp            |                       |
|------------------|-------------------|------------------|-----------------------|-----------------------|
|                  | 31/12/2012        | 31/12/2011       | 31/12/2012<br>VNĐ     | 31/12/2011<br>VNĐ     |
| SCIC             | 3.985.942         | 3.985.942        | 39.859.420.000        | 39.859.420.000        |
| Các cổ đông khác | <u>4.365.915</u>  | <u>4.365.915</u> | <u>43.659.150.000</u> | <u>43.659.150.000</u> |

**17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động - Bộ phận dịch vụ cảng, kho vận, giao nhận vận tải và Bộ phận kinh doanh xăng dầu, nhớt. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

| Chỉ tiêu                                                    | Dịch vụ kho vận,<br>giao nhận vận tải<br>VNĐ | Kinh doanh<br>xăng dầu, nhớt<br>VNĐ | Tổng cộng<br>VNĐ       |
|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------|
| <b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012</b> |                                              |                                     |                        |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài                    | 435.382.032.747                              | 171.951.506.519                     | 607.333.539.266        |
| Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác            | -                                            | -                                   | -                      |
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp                        | 329.201.399.477                              | 165.662.539.933                     | 494.863.939.410        |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp               | 106.180.633.270                              | 6.288.966.586                       | 112.469.599.856        |
| Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác              | 5.671.227.684                                | 482.445.180                         | 6.153.672.864          |
| Các chi phí trực tiếp                                       | 75.236.323.124                               | 4.986.055.630                       | 80.222.378.753         |
| Chi phí khấu hao và chi phí phân bổ                         | 5.386.080.563                                | 176.552.442                         | 5.562.633.005          |
| Lợi nhuận trước thuế                                        | 31.229.457.267                               | 1.608.803.694                       | 32.838.260.962         |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp                          | 7.635.882.066                                | 402.200.924                         | 8.038.082.990          |
| Lợi nhuận sau thuế                                          | <u>23.593.575.201</u>                        | <u>1.206.602.771</u>                | <u>24.800.177.972</u>  |
| <b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>                        |                                              |                                     |                        |
| Tài sản bộ phận                                             | 91.147.456.892                               | 9.820.531.525                       | 100.967.988.417        |
| Tài sản không phân bổ                                       | -                                            | -                                   | 68.337.433.202         |
| <b>Tổng tài sản</b>                                         | <b>91.147.456.892</b>                        | <b>9.820.531.525</b>                | <b>169.305.421.619</b> |
| Nợ phải trả bộ phận                                         | 34.904.150.582                               | 953.646.353                         | 35.857.796.935         |
| Nợ phải trả không phân bổ                                   | -                                            | -                                   | 4.926.890.768          |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                                     | <b>34.904.150.582</b>                        | <b>953.646.353</b>                  | <b>40.784.687.703</b>  |



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM**

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

|                                                  |                       |                      |                       |
|--------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài         | 454.277.547.197       | 165.392.253.803      | 619.669.801.000       |
| Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác | -                     | -                    | -                     |
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp             | 344.548.535.412       | 159.585.702.799      | 504.134.238.211       |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp    | 109.729.011.785       | 5.806.551.004        | 115.535.562.789       |
| Doanh thu hoạt động tài chính, và thu nhập khác  | 7.316.457.929         | 162.614.632          | 7.479.072.561         |
| Các chi phí trực tiếp                            | 80.854.192.028        | 3.733.804.534        | 84.587.996.562        |
| Chi phí khấu hao và chi phí phân bổ              | 6.435.424.379         | 174.910.564          | 6.610.334.943         |
| Lợi nhuận trước thuế                             | 29.755.853.307        | 2.060.450.538        | 31.816.303.845        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp               | 7.275.758.137         | 515.112.634          | 7.790.870.771         |
| Lợi nhuận sau thuế                               | <u>22.480.095.170</u> | <u>1.545.337.904</u> | <u>24.025.433.074</u> |

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011**

|                           |                              |                           |                              |
|---------------------------|------------------------------|---------------------------|------------------------------|
| Tài sản bộ phận           | 87.310.508.748               | 10.456.377.094            | 97.766.885.842               |
| Tài sản không phân bổ     | -                            | -                         | 64.799.672.020               |
| <b>Tổng tài sản</b>       | <b>87.310.508.748</b>        | <b>10.456.377.094</b>     | <b>162.566.557.862</b>       |
| Nợ phải trả bộ phận       | 28.458.011.860               | 671.874.781               | 29.129.886.641               |
| Nợ phải trả không phân bổ | -                            | -                         | 7.555.906.389                |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>   | <b><u>28.458.011.860</u></b> | <b><u>671.874.781</u></b> | <b><u>36.685.793.030</u></b> |

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|                            | 2012<br>VNĐ                   | 2011<br>VNĐ                   |
|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng         | 171.951.506.519               | 165.392.253.803               |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 435.382.032.747               | 454.277.547.197               |
|                            | <u><b>607.333.539.266</b></u> | <u><b>619.669.801.000</b></u> |

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

|                                 | 2012<br>VNĐ                   | 2011<br>VNĐ                   |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán     | 165.662.539.933               | 159.585.702.799               |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 329.201.399.477               | 344.548.535.412               |
|                                 | <u><b>494.863.939.410</b></u> | <u><b>504.134.238.211</b></u> |

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                                  | 2012<br>VNĐ                  | 2011<br>VNĐ                  |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 622.064.449                  | 1.062.583.912                |
| Chi phí nhân công                | 53.359.505.315               | 51.511.096.513               |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 5.562.633.105                | 6.610.334.943                |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 16.627.457.972               | 17.822.005.793               |
| Chi phí khác                     | 8.909.853.169                | 10.075.674.190               |
|                                  | <u><b>85.081.514.010</b></u> | <u><b>87.081.695.351</b></u> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM**

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                                      | 2012                        | 2011                        |
|--------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
|                                      | <u>VNĐ</u>                  | <u>VNĐ</u>                  |
| Lãi tiền gửi                         | 4.547.332.865               | 3.959.646.609               |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia          | 685.929.000                 | 906.466.050                 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện   | 302.811.584                 | 1.980.755.735               |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 15.047.963                  | -                           |
| Lãi do bán ngoại tệ                  | -                           | 18.501.363                  |
|                                      | <b><u>5.551.121.412</u></b> | <b><u>6.865.369.757</u></b> |

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                                     | 2012                      | 2011                        |
|-------------------------------------|---------------------------|-----------------------------|
|                                     | <u>VNĐ</u>                | <u>VNĐ</u>                  |
| Lãi tiền vay                        | 12.856.111                | 7.901.215                   |
| Lỗ do bán ngoại tệ                  | 35.974.810                | 129.056.147                 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện   | 308.946.774               | 678.674.533                 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 15.117.733                | -                           |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư  | (222.814.520)             | 1.049.271.460               |
|                                     | <b><u>150.080.908</u></b> | <b><u>1.864.903.355</u></b> |

**23. LỢI NHUẬN KHÁC**

|                                                 | 2012                       | 2011                        |
|-------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|
|                                                 | <u>VNĐ</u>                 | <u>VNĐ</u>                  |
| Thu từ thanh lý tài sản cố định                 | 818.181                    | 192.550.000                 |
| Khác                                            | 601.733.271                | 421.152.804                 |
| Thu nhập khác                                   | <b><u>602.551.452</u></b>  | <b><u>613.702.804</u></b>   |
| Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý | (4.462.300)                | (224.937.939)               |
| Khác                                            | (14.921.766)               | (362.610.975)               |
| Chi phí khác                                    | <b><u>(19.384.066)</u></b> | <b><u>(587.548.914)</u></b> |
| <b>Lợi nhuận khác</b>                           | <b><u>583.167.386</u></b>  | <b><u>26.153.890</u></b>    |

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

|                                                     | 2012                         | 2011                         |
|-----------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
|                                                     | <u>VNĐ</u>                   | <u>VNĐ</u>                   |
| Lợi nhuận trước thuế                                | 32.838.260.962               | 31.816.303.845               |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế                       | (685.929.000)                | (906.466.050)                |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ         | -                            | 253.645.289                  |
| <b>Thu nhập chịu thuế</b>                           | <b><u>32.152.331.962</u></b> | <b><u>31.163.483.084</u></b> |
| Thuế suất                                           | 25%                          | 25%                          |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b> | <b><u>8.038.082.990</u></b>  | <b><u>7.790.870.771</u></b>  |

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM**

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

|                                                                 | 2012<br><u>VNĐ</u>  | 2011<br><u>VNĐ</u>  |
|-----------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu                      | 24.800.177.972      | 24.025.433.074      |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông | <u>8.351.857</u>    | <u>8.351.857</u>    |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                                 | <b><u>2.969</u></b> | <b><u>2.877</u></b> |

**26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

|                                                                                                 | 2012<br><u>VNĐ</u>    | 2011<br><u>VNĐ</u>    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm | <u>28.901.970.434</u> | <u>18.761.550.392</u> |

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

|                                | 31/12/2012<br><u>VNĐ</u>     | 31/12/2011<br><u>VNĐ</u>     |
|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Trong vòng một năm             | 3.466.419.023                | 8.856.205.020                |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 5.068.413.301                | 8.674.631.200                |
| Sau năm năm                    | <u>3.303.859.500</u>         | <u>4.203.945.000</u>         |
| <b>Tổng cộng</b>               | <b><u>11.838.691.824</u></b> | <b><u>21.734.781.220</u></b> |

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất dài hạn, thuê kho và thuê văn phòng tại các xí nghiệp.

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH*****Quản lý rủi ro vốn***

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

***Các chính sách kế toán chủ yếu***

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM**

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các loại công cụ tài chính**

|                                                                                  | <b>Giá trị ghi sổ</b>  |                        |
|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                                                  | 31/12/2012             | 31/12/2011             |
|                                                                                  | <u>VNĐ</u>             | <u>VNĐ</u>             |
| <b>Tài sản tài chính</b>                                                         |                        |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền                                               | 62.477.239.278         | 56.839.351.320         |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác<br>(trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi) | 58.298.305.862         | 54.441.794.365         |
| Đầu tư ngắn hạn                                                                  | 2.672.781.360          | 2.409.966.840          |
| Tài sản tài chính khác                                                           | 706.113.400            | 816.888.600            |
| <b>Tổng cộng</b>                                                                 | <b>124.154.439.900</b> | <b>114.508.001.125</b> |
| <b>Công nợ tài chính</b>                                                         |                        |                        |
| Phải trả khách hàng và phải trả khác                                             | 31.648.654.648         | 26.265.716.504         |
| Chi phí phải trả                                                                 | 212.218.008            | 532.574.435            |
| Công nợ tài chính khác                                                           | 567.876.000            | 425.096.000            |
| <b>Tổng cộng</b>                                                                 | <b>32.428.748.656</b>  | <b>27.223.386.939</b>  |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Công ty không có rủi ro lớn về tỉ giá vì luôn đảm bảo dự trữ nguồn ngoại tệ cần thiết để đáp ứng các nhu cầu của Công ty. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

|                      | <b>Công nợ</b> |               | <b>Tài sản</b> |                |
|----------------------|----------------|---------------|----------------|----------------|
|                      | 31/12/2012     | 31/12/2011    | 31/12/2012     | 31/12/2011     |
|                      | <u>VNĐ</u>     | <u>VNĐ</u>    | <u>VNĐ</u>     | <u>VNĐ</u>     |
| Đô la Mỹ (USD)       | 8.580.146.719  | 5.866.629.234 | 4.697.435.201  | 16.117.737.461 |
| Euro (EUR)           | 195.410.730    | 294.696.308   | 68.650.822     | 199.958.457    |
| Yên Nhật (JPY)       | -              | 4.370.181     | -              | -              |
| Đôla Úc (AUD)        | 29.965.208     | 30.310.547    | -              | -              |
| Đôla Singapore (SGD) | 39.981.680     | 19.564.140    | -              | -              |

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ, Đồng Euro, Đồng Yên Nhật, Đồng Đô la Úc và Đồng Đô la Singapore.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM**

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

|                      | 2012                      | 2011                          |
|----------------------|---------------------------|-------------------------------|
|                      | <u>VNĐ</u>                | <u>VNĐ</u>                    |
| Đô la Mỹ (USD)       | 388.271.152               | (1.025.110.823)               |
| Euro (EUR)           | 12.675.991                | 9.473.785                     |
| Yên Nhật (JPY)       | -                         | 437.018                       |
| Đôla Úc (AUD)        | 2.996.521                 | 3.031.055                     |
| Đôla Singapore (SGD) | 3.998.168                 | 1.956.414                     |
| <b>Tổng cộng</b>     | <b><u>407.941.831</u></b> | <b><u>(1.010.212.551)</u></b> |

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa và thuê dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa và giá thuê dịch vụ.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM**

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

|                                                                                  | Dưới 1 năm<br>VNĐ      | Từ 1-5 năm<br>VNĐ  | Tổng<br>VNĐ            |
|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------|------------------------|
| <b>31/12/2012</b>                                                                |                        |                    |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền                                               | 62.477.239.278         | -                  | 62.477.239.278         |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác<br>(trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi) | 58.298.305.862         | -                  | 58.298.305.862         |
| Đầu tư ngắn hạn                                                                  | 2.672.781.360          | -                  | 2.672.781.360          |
| Tài sản tài chính khác                                                           | 530.184.800            | 175.928.600        | 706.113.400            |
|                                                                                  | <u>123.978.511.300</u> | <u>175.928.600</u> | <u>124.154.439.900</u> |

|                                      |                       |                    |                       |
|--------------------------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| <b>31/12/2012</b>                    |                       |                    |                       |
| Phải trả khách hàng và phải trả khác | 31.648.654.648        | -                  | 31.648.654.648        |
| Chi phí phải trả                     | 212.218.008           | -                  | 212.218.008           |
| Công nợ khác                         | -                     | 567.876.000        | 567.876.000           |
|                                      | <u>31.860.872.656</u> | <u>567.876.000</u> | <u>32.428.748.656</u> |

|                                     |                              |                             |                              |
|-------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| <b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b> | <b><u>92.117.638.644</u></b> | <b><u>(391.947.400)</u></b> | <b><u>91.725.691.244</u></b> |
|-------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|------------------------------|

|                                                                                  | Dưới 1 năm<br>VNĐ      | Từ 1-5 năm<br>VNĐ  | Tổng<br>VNĐ            |
|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------|------------------------|
| <b>31/12/2011</b>                                                                |                        |                    |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền                                               | 56.839.351.320         | -                  | 56.839.351.320         |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác<br>(trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi) | 54.441.794.365         | -                  | 54.441.794.365         |
| Đầu tư ngắn hạn                                                                  | 2.409.966.840          | -                  | 2.409.966.840          |
| Tài sản tài chính khác                                                           | 427.960.000            | 388.928.600        | 816.888.600            |
|                                                                                  | <u>114.119.072.525</u> | <u>388.928.600</u> | <u>114.508.001.125</u> |

|                                      |                       |                    |                       |
|--------------------------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| <b>31/12/2011</b>                    |                       |                    |                       |
| Phải trả khách hàng và phải trả khác | 26.265.716.504        | -                  | 26.265.716.504        |
| Chi phí phải trả                     | 532.574.435           | -                  | 532.574.435           |
| Công nợ khác                         | -                     | 425.096.000        | 425.096.000           |
|                                      | <u>26.798.290.939</u> | <u>425.096.000</u> | <u>27.223.386.939</u> |

|                                     |                              |                            |                              |
|-------------------------------------|------------------------------|----------------------------|------------------------------|
| <b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b> | <b><u>87.320.781.586</u></b> | <b><u>(36.167.400)</u></b> | <b><u>87.284.614.186</u></b> |
|-------------------------------------|------------------------------|----------------------------|------------------------------|

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

|                                     | 2012<br>VNĐ          | 2011<br>VNĐ          |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Công ty Cổ phần SDB Việt Nam</b> |                      |                      |
| Doanh thu                           | 1.219.952.559        | 78.040.419           |
| Mua hàng                            | <u>1.491.384.138</u> | <u>3.377.054.227</u> |

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

|                         | 2012<br>VNĐ        | 2011<br>VNĐ          |
|-------------------------|--------------------|----------------------|
| Lương                   | 3.284.358.885      | 3.239.894.934        |
| Thưởng                  | 68.014.525         | 128.085.812          |
| Các khoản phúc lợi khác | <u>638.185.044</u> | <u>1.203.043.487</u> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM**

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

|                                     | 2012<br>VNĐ       | 2011<br>VNĐ          |
|-------------------------------------|-------------------|----------------------|
| <b>Công ty Cổ phần SDB Việt Nam</b> |                   |                      |
| Các khoản phải thu                  | 3.700.000         | -                    |
| Các khoản phải trả                  | <u>17.041.972</u> | <u>1.106.905.447</u> |

**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.  
Chi tiết như sau:

|                                                                                                       | Số đã báo cáo<br>VNĐ   | Số phân loại lại<br>VNĐ  | Thay đổi thuần<br>VNĐ  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|
| <b><u>Giá vốn hàng bán</u></b>                                                                        |                        |                          |                        |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán                                                                           | 162.847.632.734        | 159.585.702.799          | 3.261.929.935          |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp                                                                       | <u>341.286.605.477</u> | <u>344.548.535.412</u>   | <u>(3.261.929.935)</u> |
| <b><u>Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh</u></b>                                                        |                        |                          |                        |
| <b>Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài</b>                                                       |                        |                          |                        |
| Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải                                                                    | 454.004.819.921        | 454.277.547.197          | (272.727.276)          |
| Kinh doanh xăng dầu, nhớt                                                                             | <u>165.664.981.079</u> | <u>165.392.253.803</u>   | <u>272.727.276</u>     |
| <b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>                                                           |                        |                          |                        |
| Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải                                                                    | 344.787.808.140        | 344.548.535.412          | 239.272.728            |
| Kinh doanh xăng dầu, nhớt                                                                             | <u>159.346.430.071</u> | <u>159.585.702.799</u>   | <u>(239.272.728)</u>   |
| <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp</b>                                                  |                        |                          |                        |
| Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải                                                                    | 109.217.011.781        | 109.729.011.785          | (512.000.004)          |
| Kinh doanh xăng dầu, nhớt                                                                             | <u>6.318.551.008</u>   | <u>5.806.551.004</u>     | <u>512.000.004</u>     |
| <b>Các chi phí trực tiếp</b>                                                                          |                        |                          |                        |
| Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải                                                                    | 80.342.192.024         | 80.854.192.028           | (512.000.004)          |
| Kinh doanh xăng dầu, nhớt                                                                             | <u>4.245.804.538</u>   | <u>3.733.804.534</u>     | <u>512.000.004</u>     |
|                                                                                                       | Số đã báo cáo<br>VNĐ   | Số điều chỉnh lại<br>VNĐ | Thay đổi thuần<br>VNĐ  |
| <b><u>Cam kết thuê hoạt động</u></b>                                                                  |                        |                          |                        |
| Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã<br>ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt<br>động kinh doanh trong năm | <u>8.856.205.020</u>   | <u>18.761.550.392</u>    | <u>(9.905.345.372)</u> |



**Đặng Vũ Thành**  
Tổng giám đốc

Ngày 22 tháng 2 năm 2013

**Trương Văn Thuận**  
Kế toán trưởng

**Lê Minh Hải**  
Lập bảng



# SOTRANS

*We make it simple !*



**1,1** triệu tấn  
hàng hóa giao nhận vận tải mỗi năm !

[www.sotrans.com.vn](http://www.sotrans.com.vn)





PHẦN 6:

---

## CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN



**6.1. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM:**

Không có.

**6.2. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT:**

Bảng 2: Danh sách các công ty liên doanh, liên kết với Công ty CP Kho vận Miền Nam

| TT | Tên công ty                  | Vốn điều lệ hiện tại (VNĐ)                                                                      | Lĩnh vực kinh doanh                                                                                                                                                                                                           | Địa chỉ                                                                     |
|----|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 1. | Công ty cổ phần SDB Việt Nam | 4.800.000.000.<br>Trong đó,<br>Sotrans góp<br>1.680.000.000<br>đồng (tương<br>đương 35%<br>VĐL) | Kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng. Xếp dỡ giao nhận hàng hoá. Dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức. Đại lý tàu biển. Dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan. | Tầng 5 toà nhà Viconship Sài Gòn, 6-8 Đoàn Văn Bơ, P.9, Quận 4. Hồ Chí Minh |





# SOTRANS

*We make it simple !*



**20** năm  
trong ngành vận tải quốc tế !

[www.sotrans.com.vn](http://www.sotrans.com.vn)









## PHẦN 7:

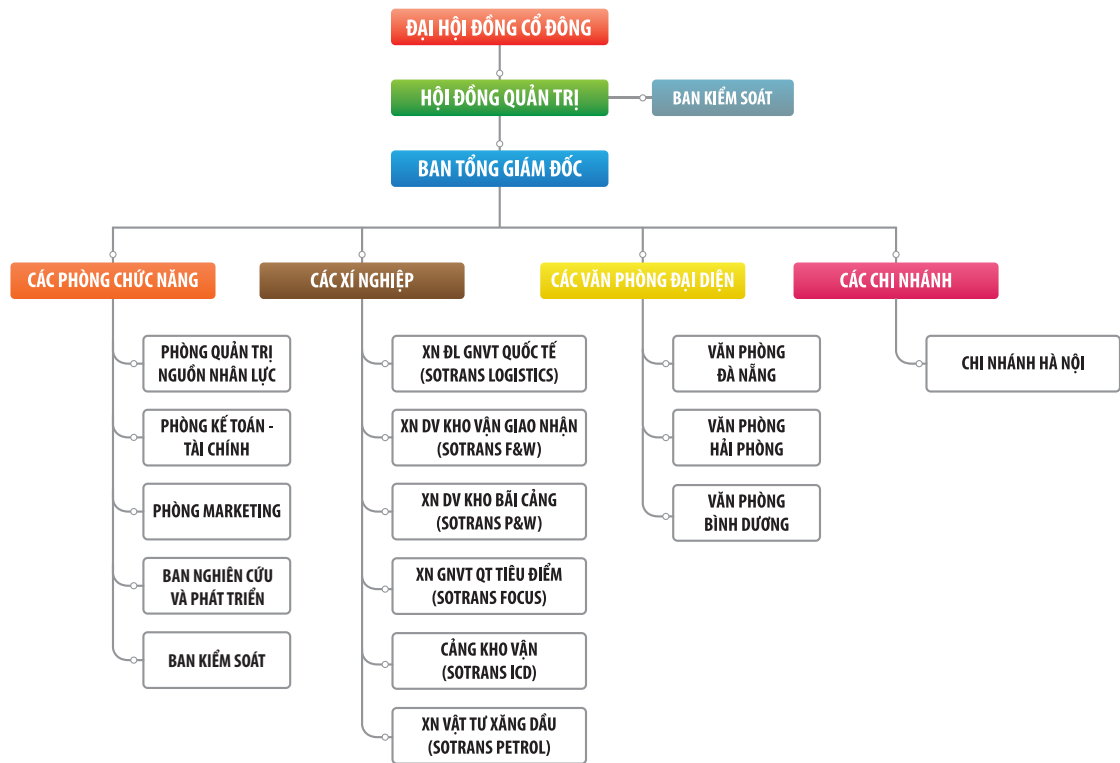
---

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## 7.1. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY:

- Ban Giám Đốc: Tổng Giám Đốc và 2 Phó Tổng Giám Đốc. Đến thời điểm 01/01/2013 Ban Giám Đốc chỉ còn 1 Tổng Giám Đốc và 1 Phó Tổng Giám Đốc.
- 1 chi nhánh tại Hà Nội, các VPĐD tại Hải phòng, Đà Nẵng, Bình Dương. 6 đơn vị thành viên, 5 phòng ban trực thuộc công ty.
- Số lượng cán bộ, nhân viên: 335 người.

**Sơ đồ 1:** Cơ cấu tổ chức của Công ty



## 7.2. BAN ĐIỀU HÀNH:

Có 3 thành viên bao gồm 1 Tổng giám đốc và 2 Phó Tổng Giám Đốc.

1. Ông Đặng Vũ Thành Tổng Giám đốc.
2. Bà Đoàn Thị Đông Phó Tổng Giám đốc.  
(từ nhiệm từ ngày 1/1/2013)
3. Ông Trần Mạnh Đức Phó Tổng Giám đốc.

Kế toán Trưởng Công ty: Ông Trương Văn Thuần.

### Tóm tắt lý lịch:

#### ▪ Ông Đặng Vũ Thành –Tổng Giám Đốc Cty CP Kho vận Miền Nam.

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 11/12/1969
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Số CMND: 171431808
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú: CD - 9 Hưng Vượng 3, Phú Mỹ Hưng, P. Tân Phong, Quận 7, TP.HCM

- Số Điện thoại liên lạc: (84.8) 3826 6594
  - Trình độ văn hóa: 10/10a
  - Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh Tế tại Liên bang Nga.
  - Quá trình công tác:
    - Từ 12/2000 đến 06/2003: Cộng tác viên khoa học viện lâm nghiệp Saint Petersburg (Liên Bang Nga).
    - Từ 05/2004 đến 11/2005: Trưởng phòng Marketing – Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc Tế - Cty CP Kho vận Miền Nam.
    - Từ tháng 12/2005 đến 06/2008: Phó Giám Đốc XN ĐL Giao nhận Vận Tải Quốc Tế.
    - Từ tháng 7/2008 đến tháng 04/2011: Giám Đốc XN ĐL Giao nhận Vận tải Quốc Tế, Giám đốc Chi nhánh Hà Nội.
    - Từ tháng 5/2011 đến nay: Tổng Giám Đốc công ty CP Kho Vận Miền Nam (Sotrans).
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc.

▪ **Bà Đoàn Thị Đông - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam.**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 08/06/1957
- Nơi sinh: Quảng Trị
- Số CMND: 024673525
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú: 47-57 Nguyễn Thái Bình,  
P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM
- Số Điện thoại liên lạc: 3826 6594 (Ext. 116)
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học Bách Khoa chuyên ngành Động cơ và Đại học Thương Mại chuyên ngành QTKD.
- Quá trình công tác:
  - ★ Từ 05/1981 đến 06/1985: Cán bộ Kỹ thuật Công ty XD cấp thoát nước số 2
  - ★ Từ 07/1985 đến 12/2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các chức vụ:
    - Cán bộ Kỹ thuật, chuyên viên Kế hoạch Nghiệp vụ.
    - Trưởng ban Vật tư Kỹ thuật, Xưởng phó xưởng sửa chữa.
    - Giám đốc XN Kinh doanh Thương mại.
    - Phó Giám đốc Công ty.
  - ★ Từ 01/2007 đến 19/04/2012: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho Vận Miền Nam.
  - ★ Từ 19/04/2012 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho Vận Miền Nam.
  - ★ Từ 01/01/2013 nghỉ hưu theo chế độ xã hội, thôi giữ chức Phó Tổng Giám Đốc Công ty.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch HĐQT.

▪ Ông Trần Mạnh Đức – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam

- Giới tính: Nam
  - Ngày tháng năm sinh: 20/02/1970
  - Nơi sinh: TP.HCM
  - Số CMND: 022416192
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Đồng Tháp
  - Địa chỉ thường trú: 115/58 Trần Đình Xu, P. Nguyễn Cư Trinh, Q1, TP.HCM
  - Số Điện thoại liên lạc: 3940 0947 (Ext. 123)
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành QTKD ĐH Hàng Hải.
  - Quá trình công tác:
    - ★ Từ 01/1995 đến 12/2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các chức vụ:
      - Nhân viên giao nhận, Tổ trưởng kinh doanh.
      - Phó Giám đốc XN Đại lý Giao nhận vận tải Quốc tế, Giám đốc Xí nghiệp Dịch Vụ Kho Vận Thủ Đức.
    - ★ Từ 01/2007 đến nay: Công tác tại Công ty CP Kho Vận Miền Nam với các chức vụ :
      - Giám đốc XN Dịch vụ Kho bãi cảng.
      - Phó Tổng Giám Đốc Công ty.
      - Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám Đốc Cảng Kho Vận.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám Đốc.

**7.3. CÁC VĂN PHÒNG VÀ CHI NHÁNH:**

- Văn phòng trụ sở chính Công ty: Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam 1B Hoàng Diệu, P.13, Q.4, Tp. HCM
- Các đơn vị trực thuộc:

| STT | Đơn vị                                     | Địa chỉ                            |
|-----|--------------------------------------------|------------------------------------|
| 1.  | Xí nghiệp Đại lý giao nhận Vận tải Quốc tế | Số 1B Hoàng Diệu, Q.4, Tp. HCM.    |
| 2.  | Xí nghiệp Dịch vụ Kho vận Giao nhận        | Số 1B Hoàng Diệu, Q.4, Tp. HCM.    |
| 3.  | Xí nghiệp dịch vụ Kho bãi Cảng             | Km 9 Xa Lộ Hà Nội Q.TĐ, Tp. HCM.   |
| 4.  | Xí nghiệp GNVN Quốc tế Tiêu điểm           | 16 Cửu Long, Q. Tân Bình, Tp. HCM. |
| 5.  | Cảng Kho vận                               | Km 9 Xa Lộ Hà Nội Q.TĐ, Tp. HCM.   |
| 6.  | Xí nghiệp Vật Tư Xăng dầu                  | Số 18 Hoàng Diệu, Q.4, Tp. HCM.    |

▪ Các chi nhánh trực thuộc:

| STT | Đơn vị                       | Địa chỉ                             |
|-----|------------------------------|-------------------------------------|
| 1.  | Chi nhánh SOTRANS tại Hà Nội | Số 142 Đội Cấn, Q. Đống Đa, Hà Nội. |



▪ **Các văn phòng trực thuộc:**

| STT | Đơn vị               | Địa chỉ                                    |
|-----|----------------------|--------------------------------------------|
| 1.  | Văn phòng Bình Dương | 08 Ngô Gia Tự, TX Thủ Dầu Một, Bình Dương. |
| 2.  | Văn phòng Đà Nẵng    | 245 Trưng Nữ Vương, Q.Hải Châu, Đà Nẵng    |
| 3.  | Văn phòng Hải Phòng  | 11 Võ Thị Sáu, Ngô Quyền, Hải Phòng        |

Xí nghiệp Vật Tư Xăng Dầu được đổi tên từ Xí nghiệp Hóa Dầu Solube theo thông báo số 162/KVMN ngày 23/ 03/ 2010.

Cảng Kho Vận được thành lập theo quyết định số 05/2010/QĐ ngày 26/ 01/ 2010.

Xí nghiệp Giao nhận Vận tải Quốc tế Tiêu Điểm được thành lập theo quyết định số 03/2010/QĐ ngày 26/01/2010.

**7.4. CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG:**

▪ **Phòng Quản trị nguồn nhân lực:**

Phòng Quản trị Nguồn nhân lực là phòng chuyên môn có chức năng tham mưu giúp cho Ban Lãnh đạo công ty trong quản lý, điều hành về các lĩnh vực :

- Quản trị chiến lược nhân sự.
- Quản trị hành chính.
- Công tác thi đua, khen thưởng.
- Công tác thanh tra, bảo vệ.
- Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản.
- Công tác pháp chế.
- Công tác An toàn – Bảo hộ lao động – Vệ sinh môi trường.

▪ **Ban nghiên cứu và phát triển:**

Ban nghiên cứu và phát triển có chức năng quản trị, tham mưu giúp Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc Công ty trong việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, cơ chế chính sách quản lý, cách thức tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển hoạt động công ty và các đơn vị thành viên.

▪ **Phòng Kế Toán Tài Chính:**

Phòng Kế Toán Tài Chính công ty là phòng quản lý nghiệp vụ có chức năng thực hiện công tác kế toán tài chính, tham mưu giúp Tổng Giám Đốc quản lý về vốn và tài sản trong hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty: trực tiếp theo dõi và quản lý tài sản cố định, tài sản lưu động, vốn, công nợ, doanh thu, chi phí, thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, đề xuất phân phối lợi nhuận, trả cổ tức. Thực hiện các báo cáo quyết toán tháng, quý, năm theo qui định của pháp luật đồng thời hướng dẫn, chỉ đạo về chuyên môn các phòng kế toán đơn vị trực thuộc.

▪ **Phòng Marketing:**

Phòng Marketing là phòng quản lý nghiệp vụ, có chức năng quản trị, tham mưu, giúp Tổng Giám đốc trong việc định hướng thị trường mục tiêu, phân khúc thị trường và định vị sản phẩm, hoạch định chiến lược Marketing và chiến lược kinh doanh trong toàn Công ty.

▪ **Ban kiểm soát nội bộ:**

Ban kiểm soát nội bộ có chức năng kiểm tra, đánh giá các hoạt động của Sotrans. Ban kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ tham mưu cho Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết HĐQT, các Quyết định do Tổng Giám đốc và các cấp quản trị ban hành và việc thực thi các quy chế quản lý đảm bảo đầy đủ, chính xác và kịp thời; Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc nhận diện, kiểm soát và hạn chế các rủi ro tiềm tàng vốn có và có thể xảy ra trong tương lai đối với hoạt động của Công ty, đề xuất các biện pháp ngăn ngừa và khắc phục tồn tại, hạn chế trong các hoạt động của Công ty và công tác quản lý nội bộ, phối hợp với các bộ phận khác, soạn thảo, ban hành các quy chế nhằm hoàn thiện Hệ thống kiểm soát nội bộ.

**7.5. THAY ĐỔI TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH:**

Không có.

**7.6. CÁN BỘ CNV VÀ CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:**

- **Số lượng lao động và cơ cấu lao động:** Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2012 là 351 người với cơ cấu như sau:

**Bảng 3:** Cơ cấu lao động theo trình độ và tính chất công việc.

| Phân loại                       | Số người   | Tỷ trọng (%) |
|---------------------------------|------------|--------------|
| <b>Theo trình độ</b>            |            |              |
| Trên đại học                    | 6          | 1.80%        |
| Đại học                         | 154        | 45.97%       |
| Cao đẳng                        | 28         | 8.36%        |
| Trung cấp. CNKT lành nghề       | 41         | 12.23%       |
| Lao động phổ thông              | 106        | 31.64%       |
| <b>Tổng cộng</b>                | <b>335</b> | <b>100%</b>  |
| <b>Theo tính chất công việc</b> |            |              |
| Lao động trực tiếp              | 229        | 68.3%        |
| Lao động gián tiếp              | 106        | 31,7%        |
| <b>Tổng cộng</b>                | <b>335</b> | <b>100%</b>  |

▪ **Chế độ làm việc:**

- Công ty thực hiện chế độ 44 giờ/tuần, từ thứ 2 đến thứ 6: 8 giờ/ngày; thứ 7 làm ½ ngày. Người lao động được nghỉ các ngày lễ theo quy định hiện hành. Ngoài thời gian trên, nếu có công việc phải thực hiện theo yêu cầu của người ủy thác dịch vụ, hay để phù hợp với lịch tàu, kế hoạch làm hàng... thì phụ trách các bộ phận phải bố trí sắp xếp những người có liên quan tiếp tục thực hiện công việc trong phạm vi cần thiết. Người lao động làm thêm giờ được bố trí nghỉ bù vào những ngày khác trong tuần, tuy nhiên thời gian làm thêm giờ không được vượt mức quy định tại điều 69, Bộ Luật lao động.
- Người lao động có 12 tháng làm việc trở lên tại Công ty được nghỉ phép hàng năm và hưởng nguyên lương 12 ngày làm việc. Mỗi 5 năm làm việc, nhân viên sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.

- Công ty và người lao động có nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN theo quy định hiện hành. Các chế độ thanh toán trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thôi việc... được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện nội quy an toàn vệ sinh lao động, đảm bảo các điều kiện lao động phù hợp với sức khỏe của người lao động.
- **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:**
  - Để lương, thưởng thực sự là đòn bẩy khuyến khích Cán bộ CNV tích cực, sáng tạo trong lao động nhằm đem lại hiệu quả cao, Công ty xây dựng hệ số trả lương, thưởng cho mỗi chức danh công việc trên cơ sở tham khảo hệ thống thang bảng lương của Doanh nghiệp Nhà nước, một số doanh nghiệp cùng ngành nghề, trong đó quan tâm đãi ngộ đội ngũ cán bộ quản lý điều hành doanh nghiệp, cán bộ CNV có năng lực sales giỏi và những người đã cống hiến nhiều cho Công ty.
  - Công ty quan tâm nâng cao đời sống CBCNV với mức thu nhập năm sau luôn luôn cao hơn năm trước. Chính sách thưởng các đơn vị có lợi nhuận cao nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo trong toàn Công ty.
  - Đối với khâu kinh doanh then chốt (như bộ phận sales) thực hiện khoán doanh thu, lợi nhuận có thưởng theo lũy tiến nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh, đem lại hiệu quả cao.
  - Ngoài việc đãi ngộ tiền lương, thưởng Công ty còn thưởng chuyến du lịch nước ngoài cho những cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đồng thời xét bổ nhiệm vào vị trí phù hợp để được hưởng mức thu nhập cao hơn.









## PHẦN 8:

---

# THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

## **8.1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:**

### **8.1.1. Hội đồng quản trị:**

#### Thành viên Hội Đồng Quản trị:

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 19/04/2012:

- 1. Bà Đoàn Thị Đông                      Chủ tịch HĐQT
- 2. Bà Nguyễn Thị Diệu                  Phó chủ tịch HĐQT
- 3. Ông Tô Hải                              Thành viên HĐQT
- 4. Ông Nguyễn Thế Vinh                Thành viên HĐQT

Từ ngày 19/04/2012 đến ngày 31/12/2012:

- 1. Bà Đoàn Thị Đông                      Chủ tịch HĐQT
- 2. Ông Đặng Vũ Thành                    Thành viên HĐQT
- 3. Ông Trần Mạnh Đức                    Thành viên HĐQT
- 4. Ông Khuất Tùng Phong                Thành viên HĐQT  
(từ nhiệm từ ngày 27/08/2012)
- 5. Ông Trần Quyết Thắng                Thành viên HĐQT  
(bổ nhiệm từ ngày 27/08/2012)
- 6. Ông Đinh Quang Hoàn                Thành viên HĐQT
- 7. Ông Lê Việt Thành                    Thành viên HĐQT  
(bổ nhiệm từ ngày 30/08/2012)

#### Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:

- Thành viên HĐQT nhiệm kỳ I hết nhiệm kỳ, ĐHCĐ năm 2012 ngày 19/04/2012 bầu ra HĐQT nhiệm kỳ 2 từ 2012 đến 2016.
- Ông Khuất Tùng Phong từ nhiệm thành viên HĐQT và bổ nhiệm ông Trần Quyết Thắng vào thành viên HĐQT được nghị quyết HĐQT số 058/NQ-HĐQT, ngày 27/08/2012 thông qua.
- Ông Lê Việt Thành được bầu bổ sung vào thành viên HĐQT được ĐHCĐ bất thường năm 2012 thông qua ngày 30/08/2012.

### **8.1.2. Ban Kiểm soát:**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 19/04/2012:

- 1. Ông Phan Đình Bội                    Trưởng Ban KS.
- 2. Ông Trần Văn Đức                    Thành viên Ban KS.
- 3. Ông Võ Sáng Xuân Vinh              Thành viên Ban KS.

Từ ngày 19/04/2012 đến ngày 31/12/2012:

- 1. Ông Ngô Lê Quang Tín                Trưởng Ban KS.
- 2. Bà Nguyễn Vũ Hoài Ân                Thành viên Ban KS.
- 3. Bà Nguyễn Thị Thu Hà                Thành viên Ban KS.

#### **Tóm tắt lý lịch:**

- **Bà Đoàn Thị Đông – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Kho vận Miền Nam.**  
(Xem chi tiết phần Ban điều hành)
- **Ông Đặng Vũ Thành – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Kho vận Miền Nam.**  
(Xem chi tiết phần Ban điều hành)
- **Ông Trần Mạnh Đức – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Kho vận Miền Nam.**  
(Xem chi tiết phần Ban điều hành)

▪ **Bà Nguyễn Thị Diệu – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Kho Vận Miền Nam.**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 13/3/1962
- Số CMND: 024856639  
Cấp ngày 07/12/2007 tại TP. HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Thuận
- Địa chỉ thường trú: 57/4/1 Lê Văn Lương, H. Nhà Bè, TP.HCM
- SĐT liên lạc ở cơ quan: 08 6299 2082
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế.
- Quá trình công tác:
  - Năm 1985 - 1995: Cán bộ chuyên quản – Phó phòng – Trưởng phòng Quản lý doanh nghiệp Sở Tài chính Thuận Hải (nay là Bình Thuận)
  - Năm 1995 - 1999: Phó Cục trưởng Cục Quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp Bình Thuận.
  - Năm 1999 – 6/2004: Phó Giám đốc Sở Tài chính Bình Thuận.
  - Tháng 6/2004 – 10/2007: Phó Giám đốc Xí nghiệp số 02 – TP.Hồ Chí Minh thuộc Công ty cổ phần Xây lắp Thủy sản Việt Nam .
  - Tháng 10/2007- nay: Chuyên viên đầu tư, Phó Giám đốc Chi nhánh khu vực phía Nam – Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức nhiệm yết: Hết nhiệm kỳ.

▪ **Ông Tô Hải - Thành viên hội đồng Quản trị Công ty CP Kho vận Miền Nam.**

- Giới tính: Nam
  - Ngày tháng năm sinh: 01/12/1973
  - Nơi sinh: Thái Bình
  - Số CMND: 022977047
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Thái Bình
  - Địa chỉ thường trú: 21B/3 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q.1, TP.HCM
  - Số Điện thoại liên lạc: 08.3914.3588
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng
  - Quá trình công tác:
    - Từ năm 1997 - 2000: Cán bộ dự án – Công ty viễn thông liên tỉnh,
    - Tổng công ty Bưu chính Viễn Thông Việt Nam.
    - Từ năm 2001-2002: Chuyên viên phân tích – Công ty chứng khoán Bảo Việt.
    - Từ 2002-2003: Trưởng phòng Tư vấn – Cty Chứng khoán Đông Á.
    - Từ 2003-2007: Giám đốc Chi nhánh – Cty Chứng Khoán Bảo Việt.
    - Từ T10/2007 đến nay: Tổng giám đốc – Cty Chứng khoán Bản Việt.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức nhiệm yết: Thành viên Hội đồng quản trị .

▪ **Ông Nguyễn Thế Vinh – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Kho Vận Miền Nam.**

- Giới tính: Nam
  - Ngày tháng năm sinh: 20/5/1976
  - Nơi sinh: TP.HCM
  - Số CMND: 022974097
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: TP.HCM
  - Địa chỉ thường trú: 60/7I Tổ 20, KP4,  
P.Tân Hưng Thuận, Q.7, TP.HCM
  - Số Điện thoại liên lạc: 0907 909 966
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
  - Quá trình công tác:
    - Từ Tháng 7/1997 đến tháng 8/2006: Trưởng phòng – Sở giao dịch Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín.
    - Từ tháng 8/2006 đến nay: Tổng giám đốc công ty Quản lý & Khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín, Tổng Giám Đốc Công ty Kho vận Sài Gòn Thương Tín.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Hết nhiệm kỳ.

▪ **Ông Lê Việt Thành – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Kho Vận Miền Nam**

- Giới tính: Nam
  - Ngày tháng năm sinh: 10/06/1970
  - Quê quán: Hương Khê, Hà Tĩnh
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - CMND: 023620039, cấp ngày 07/03/2012 tại: TP.HCM
  - Dân tộc: Kinh
  - Địa chỉ thường trú: số 02, đường 49, P.Thảo Điền, Q. 2, TP.HCM
  - Số ĐT liên lạc: 08 6299 2082
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh;  
Kỹ sư kinh tế vận tải biển;  
Bằng quản lý rủi ro và doanh nghiệp bảo hiểm.
  - Quá trình công tác:
    - 1992 - 1993: Nhân viên giao nhận, Công ty Giao nhận và xếp dỡ kho bãi Nhà Bè.
    - 1993 - 1994: Kế toán viên, XN In Hải Quan, Tổng cục Hải quan.
    - 1994 - 2005: Chuyên viên, Trưởng phòng Bảo hiểm tài sản, Trưởng phòng Bồi thường, Công ty Bảo hiểm Thành phố Hồ Chí Minh
    - 2005 - 2007: Phó Tổng giám đốc CTCP Bảo hiểm AAA
    - 2007 - nay: Phó giám đốc Chi nhánh khu vực phía Nam - Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước
    - Chức vụ công tác hiện nay: Phó giám đốc Chi nhánh khu vực phía Nam - Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước
    - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
      - + Phó chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Dược phẩm TVPHARM
      - + Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty cổ phần Bảo Minh
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng Quản trị.



▪ **Ông Trần Quyết Thắng – Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Kho Vận Miền Nam**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/01/1962
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ liên hệ: Lầu 15, tòa nhà Centre Point - 106 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh.
- Chuyên môn nghiệp vụ:
  - Chứng chỉ Phân tích chứng khoán và đầu tư (cấp bởi Ủy Ban Chứng Khoán Việt Nam)
  - Chứng chỉ hoàn thành khoá học cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán (cấp bởi Ủy Ban Chứng Khoán Việt Nam)
  - Cao đẳng Luật Thực Hành (cấp bởi Trường Luật, Luân Đôn, Vương Quốc Anh)
  - Cao đẳng nâng cao về Luật (cấp bởi Trường Luật, Luân Đôn, Vương Quốc Anh)
  - Cử nhân Luật danh dự (Trường đại học Martin-Luther, Halle-Wittenberg, Đức).
- Quá trình công tác:
  - Từ năm 1989 đến 1995: Đồng sáng lập kiêm Phó Tổng Giám Đốc Tập đoàn Tư vấn Đầu tư InvestConsult.
  - Từ năm 2000 đến 2003: Đồng sáng lập, Tổng Giám Đốc Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn SSI.
  - Từ năm 1997 đến nay: Văn phòng luật sư Thắng và các cộng sự.
  - Từ năm 2003 đến nay: Người sáng lập và chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển và tài trợ Địa ốc (REFICO).

Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng Quản trị.

▪ **Ông Khuất Tùng Phong – Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Kho Vận Miền Nam**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 14/08/1981 Nơi sinh : Lâm Đồng
- Quê quán: Hà Nội
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 80 Nguyễn Văn Cừ, Bảo Lộc, Lâm Đồng
- Địa chỉ liên lạc: 234M/17 Phan Văn Trị, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
- Điện thoại cơ quan: (08) 3 914 3588 - 104
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Doanh nghiệp
- Quá trình công tác:
  - Năm 2003 - 2006 : Trưởng nhóm định giá doanh nghiệp, Công ty chứng khoán Ngân hàng Đông Á
  - Năm 2006 - 2007 : Trưởng phòng Tư vấn Tài chính doanh nghiệp, Công ty chứng khoán Quốc tế Việt Nam
  - Năm 2007 - 2009 : Phó Giám đốc Đầu tư, Công ty CP Chứng khoán Bản Việt
  - Năm 2009 - 2010 : Trưởng phòng Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp, Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt

- Năm 2011 - nay : Trưởng phòng Đầu tư, Công ty CP Chứng khoán Bản Việt.
  - Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng phòng Đầu tư, Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Đã từ nhiệm.

▪ **Ông Đinh Quang Hoàn – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Kho Vận Miền Nam.**

- Giới tính: Nam
  - Số CMND (Hộ chiếu): 025004907,  
ngày cấp 6/9/2008, tại: CA TP.HCM
  - Ngày tháng năm sinh: 22/8/1976 :
  - Nơi sinh: Hải Phòng
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Hải Phòng
  - Địa chỉ thường trú: C22 Khu Nam Long, Đường Gò Ô Môi,  
Q7, TP.HCM
  - SĐT liên lạc ở cơ quan: 39143588
  - Trình độ văn hóa: sau đại học
  - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, Hội viên hội Kế Toán Viên  
Công Chứng Anh Quốc (ACCA)
  - Quá trình công tác:
    - 09/1998 - 06/2002 : Cty Kiểm toán Arthur Andersen, kiểm toán viên.
    - 06/2002 - 03/2007: Cty Kiểm toán KPMG, Trưởng phòng kiểm toán.
    - 03/2007 - 08/2007: Công ty chứng khoán Bảo Việt, phó phòng tư vấn.
    - 08/2007 - nay: Công ty chứng khoán Bản Việt, Giám Đốc tư vấn.
    - Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
      - + Giám Đốc tư vấn, Công ty chứng khoán Bản Việt.
      - + Thành viên Hội Đồng Quản Trị, cty cổ phần Vinacafe Biên Hòa.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng Quản trị.

▪ **Ông Phan Đình Bội – Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho vận Miền Nam nhiệm kỳ 2007 - 2012.**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 17/07/1951
- Nơi sinh: Hà Bắc
- Số CMND: 022052470
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Bắc
- Địa chỉ thường trú: 269/5 Xô Viết Nghệ Tĩnh,  
P. 24, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
- Số Điện thoại liên lạc: 0908688484
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế chuyên ngành Kế hoạch hóa  
Kinh tế quốc dân

- Quá trình công tác:
    - Từ 04/1972 đến 07/1981: Bộ đội lái xe tải binh trạm 21 Cục Vận tải.
    - Từ 08/1981 đến 12/2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các chức vụ:
      - + Lái xe tải, kỹ thuật viên, đội phó đội xe.
      - + Chuyên viên Kế hoạch nghiệp vụ.
    - Từ 01/2007 đến nay: Trưởng ban kiểm soát kiêm Chuyên viên Kế hoạch Nghiệp vụ Công ty CP Kho Vận Miền Nam.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức nhiệm yết: Hết nhiệm kỳ.

▪ **Ông Trần Văn Đức - Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho vận Miền Nam nhiệm kỳ 2007 - 2012.**

- Giới tính: Nam
  - Ngày tháng năm sinh: 13/04/1963
  - Nơi sinh: TP.HCM
  - Số CMND: 023913521
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Nam Định
  - Địa chỉ thường trú: 93/17 XVNT, P17, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
  - Số Điện thoại liên lạc: 3731 0033
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Kế toán kiểm toán, Đại học Kinh tế chuyên ngành Kinh tế Thương Nghiệp.
  - Quá trình công tác:
    - Từ 01-1982 đến 12-2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các chức vụ:
      - + Kế toán viên, Tổ trưởng Kế toán.
      - + Trưởng phòng Kế toán Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc tế.
    - Từ 01/2007 đến nay: Trưởng phòng Kế toán Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc tế thuộc Công ty CP Kho Vận Miền Nam, Trưởng phòng kế toán Cảng kho vận – Sotrans ICD
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức nhiệm yết: Trưởng phòng kế toán Cảng kho vận – Sotrans ICD.

▪ **Ông Võ Sáng Xuân Vinh - Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho vận Miền Nam nhiệm kỳ 2007 – 2012**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/10/1972
- Nơi sinh: TP.HCM
- CMND số: 022728615
- Cấp ngày: 24/7/2003 Tại: TPHCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vĩnh Long
- Địa chỉ thường trú: 17 Thảo Điền, P. Thảo Điền, Q. 2, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc: 3820 2131
- Trình độ văn hóa: 12/12
-

- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản Trị Kinh Doanh (MBA) chuyên ngành Tài Chính (Anh Quốc), Văn bằng CFA (Mỹ).
  - Quá trình công tác:
    - Từ 4/1998 – 11/2001: Phó Phòng Thẩm Định Quỹ Đầu tư Phát triển Đô Thị TP. Hồ Chí Minh (HIFU).
    - Từ 11/2001 – 7/2003: Cán bộ đầu tư Mekong Capital.
    - Từ 7/2003-7/2005: Phó Giám Đốc Công Ty TNHH Tư Vấn và Phát Triển Công Nghệ ECO.
    - Từ 7/2005 – 4/2007: Giám đốc Đầu tư VPĐD Thường trú Aureos Philippine Adviser, Inc.
    - Từ 5/2007 – 12/2007: Trưởng Đại diện VPĐD Thường trú Aureos Philippine Adviser, Inc.
    - Từ 01/2008 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Sài Gòn (Saigon Capital).
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức nhiệm yết: Hết nhiệm kỳ.

▪ **Ông Ngô Lê Quang Tín - Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho vận Miền Nam nhiệm kỳ 2012 – 2017:**

- Giới tính: Nam
  - Ngày tháng năm sinh: 01/06/1985
  - Nơi sinh: Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - CMND: 024189923
  - Cấp ngày: 18/11/2003 tại TP. HCM
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Thừa Thiên Huế
  - Địa chỉ thường trú: 47 Thiên Hộ Dương, P.1, Q.Gò Vấp, TP. HCM
  - Số ĐT liên lạc: 08.62992082
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Tín dụng
  - Quá trình công tác:
    - Từ 2007 đến 2008: Nhân viên Phòng Kinh doanh tiền tệ Ngân hàng TMCP Phương Nam.
    - Từ 2008 đến 2010: Kiểm soát viên Phòng Quản lý kinh doanh tiền tệ Ngân hàng liên doanh Indovina.
    - Từ 2010 đến nay: Chuyên viên đầu tư Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Chi nhánh khu vực phía Nam.
    - Chức vụ công tác hiện nay: Chuyên viên đầu tư Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Chi nhánh khu vực phía Nam.
    - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức nhiệm yết: Trưởng Ban kiểm soát.

▪ **Bà Nguyễn Vũ Hoài Ân – Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho vận Miền Nam nhiệm kỳ 2012 – 2017:**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 22/ 10/1979
- Nơi sinh: Đà Lạt - Lâm Đồng
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND/hộ chiếu số: 250447914



- Cấp ngày: 18/06/2011 tại: Công An Lâm Đồng
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Thái Bình
  - Địa chỉ thường trú: 26B Nguyễn An Ninh, P.6, Đà Lạt, Lâm Đồng
  - Số ĐT liên lạc: 0983 507073
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh Kế
  - Quá trình công tác :
    - Từ 2003 đến 2010: nhân viên Kế toán tại Xí Nghiệp Dịch Vụ Kho Vận Giao Nhận - Công ty cổ Phần Kho Vận Miền Nam
    - Từ 2010 đến nay: Trưởng phòng Kế Toán Xí Nghiệp Dịch Vụ Kho Vận Giao Nhận - Công ty Cổ Phần Kho Vận Miền Nam
    - Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng phòng Kế Toán tại XN Dịch Vụ Kho Vận Giao Nhận
    - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : không có
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát.

▪ **Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho Vận Miền Nam nhiệm kỳ 2012 – 2017:**

- Giới tính: Nữ
  - Ngày tháng năm sinh: 03/7/1974
  - Nơi sinh: Tây Ninh.
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - CMND số: 022704721.
  - Cấp ngày : 12/02/1998, tại: Công An TP.HCM
  - Dân tộc: Kinh.
  - Quê quán: Khánh Hòa, Yên Khánh, Ninh Bình.
  - Địa chỉ thường trú: 292B Trần Phú, Phường 8, Quận 5, TP.HCM.
  - Số ĐT liên lạc : 0903 988 784
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD
  - Quá trình công tác:
    - Từ 10/1998 đến 6/2001 : Nhân viên Phòng Kinh doanh, XN Kinh doanh Thương Mại - Công ty Kho vận Miền Nam
    - Từ 7/2001 đến 6/2004 : Phó Phòng KHSX-XNK - XN Kinh doanh Thương Mại - Công ty Kho vận Miền Nam
    - Từ 7/2004 đến 3/2005 : Phó Phòng phụ trách Phòng Kinh doanh - XN Kinh doanh Thương Mại - Công ty Kho vận Miền Nam
    - Từ 4/2005 đến 11/2005 : Trưởng Phòng Kinh doanh - XN Kinh doanh Thương Mại - Công ty Kho vận Miền Nam
    - Từ 12/2005 đến 8/2007 : Trưởng Phòng Marketing - XN Hóa Dầu Solube - Công ty Kho vận Miền Nam và Công ty CP Kho vận Miền Nam
    - Từ 9/2007 đến 6/2008 : Phó Phòng Marketing - XN Hóa Dầu Solube - Công ty CP Kho vận Miền Nam.
    - Từ 7/2008 đến 7/2011 : Phó Giám Đốc XN Dịch vụ Kho bãi Cảng - Công ty CP Kho vận Miền Nam
    - Từ 8/2011 đến Nay : Phó Phòng Quản Trị Nguồn Nhân Lực, Công ty CP Kho vận Miền Nam
    - Chức vụ công tác hiện nay : Phó Phòng Quản Trị Nguồn Nhân Lực.
    - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát.

### 8.1.3. Tỷ lệ nắm giữ cổ phần:

| STT | Họ và Tên         | Chức danh      | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ | Ghi chú                |
|-----|-------------------|----------------|--------------------|-------|------------------------|
| 1   | Đoàn Thị Đông     | Chủ tịch       | 7,194              | 0.09% |                        |
| 2   | Đặng Vũ Thành     | Thành viên     | 2,404              | 0.03% |                        |
| 3   | Trần Mạnh Đức     | Thành viên     | 4,561              | 0.05% |                        |
| 4   | Đình Quang Hoàn   | Thành viên     | 1,000              | 0.01% |                        |
| 5   | Khuất Tùng Phong  | Thành viên     | 1,000              | 0.01% | Từ nhiệm từ 20/08/2012 |
| 6   | Trần Quyết Thắng  | Thành viên     | 3,366              | 0.04% |                        |
| 7   | Lê Việt Thành     | Thành viên     |                    | 0.00% |                        |
| 8   | Ngô Lê Quang Tín  | Trưởng BKS     | 10                 | 0.00% |                        |
| 9   | Nguyễn Vũ Hoài Ân | Thành viên BKS |                    | 0.00% |                        |
| 10  | Nguyễn Thị Thu Hà | Thành viên BKS |                    | 0.00% |                        |

### 8.2. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG:

#### 8.2.1. Cơ cấu vốn cổ đông:

| Danh mục                         | Cổ đông trong nước |                       |              | Cổ đông nước ngoài |                       |             | Tổng              |                       |               |
|----------------------------------|--------------------|-----------------------|--------------|--------------------|-----------------------|-------------|-------------------|-----------------------|---------------|
|                                  | Số lượng sở hữu    | Giá trị (đvt: 1,000đ) | Tỷ lệ (%)    | Số lượng sở hữu    | Giá trị (đvt: 1,000đ) | Tỷ lệ (%)   | Số lượng cổ phiếu | Giá trị (đvt: 1,000đ) | Tỷ lệ (%)     |
| <b>I. Tổng số vốn chủ sở hữu</b> | <b>8,338,407</b>   | <b>83,384,070</b>     | <b>99.84</b> | <b>13,450</b>      | <b>134,500</b>        | <b>0.16</b> | <b>8,351,857</b>  | <b>83,518,570</b>     | <b>100.00</b> |
| <b>1. Cổ đông Nhà nước</b>       | 3,985,942          | 39,859,420            | 47.73        |                    | -                     |             | 3,985,942         | 39,859,420            | 47.73         |
| <b>2. Cổ đông đặc biệt</b>       | 20,347             | 203,470               | 0.24         |                    | -                     |             | 20,347            | 203,470               | 0.24          |
| - Hội đồng quản trị              | 19,525             | 195,250               | 0.23         |                    | -                     |             | 19,525            | 195,250               | 0.23          |
| - Ban Tổng Giám đốc (*)          |                    | 0                     | 0.00         |                    | -                     |             | 0                 | 0                     | 0.00          |
| - Ban kiểm soát                  | 10                 | 100                   | 0.00         |                    | -                     |             | 10                | 100                   | 0.00          |
| - Kế Toán Trưởng                 | 812                | 8,120                 | 0.01         |                    | -                     |             | 812               | 8,120                 | 0.01          |
| <b>4. Cổ đông khác</b>           | 4,332,118          | 43,321,180            | 51.87        | 13,450             | 134,500               | 0.16        | 4,345,568         | 43,455,680            | 52.03         |
| - Cá nhân                        | 3,500,678          | 35,006,780            | 41.91        | 13,450             | 134,500               | 0.16        | 3,514,128         | 35,141,280            | 42.08         |
| - Tổ chức                        | 831,440            | 8,314,400             | 9.96         |                    | -                     |             | 831,440           | 8,314,400             | 9.96          |
| <b>II. Cổ phiếu quỹ</b>          |                    |                       |              |                    |                       |             |                   |                       |               |

Ghi chú:

(\*): không bao gồm cổ đông là thành viên HĐQT

(\*\*): Cổ Đông là CBNV không bao gồm các cổ đông là thành viên HĐQT, BTGD, BKS và KTT.

### 8.2.2. Cơ cấu tỉ lệ sở hữu:

| Danh mục                                                 | Cổ đông trong nước |                         |              | Cổ đông nước ngoài |                         |             | Tổng              |                         |               |
|----------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|--------------|--------------------|-------------------------|-------------|-------------------|-------------------------|---------------|
|                                                          | Số lượng cổ phiếu  | Giá trị (đvt: 1,000vnd) | Tỷ lệ (%)    | Số lượng cổ phiếu  | Giá trị (đvt: 1,000vnd) | Tỷ lệ (%)   | Số lượng cổ phiếu | Giá trị (đvt: 1,000vnd) | Tỷ lệ (%)     |
| <b>Tổng số vốn chủ sở hữu</b>                            | <b>8,338,407</b>   | <b>83,384,070</b>       | <b>99.84</b> | <b>13,450</b>      | <b>134,500</b>          | <b>0.16</b> | <b>8,351,857</b>  | <b>83,518,570</b>       | <b>100.00</b> |
| Cổ đông sáng lập                                         | 3,993,136          | 39,931,360              | 47.81        |                    | -                       | 0.00        | 3,993,136         | 39,931,360              | 47.81         |
| Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết      | 831,386            | 8,313,860               | 9.95         |                    | -                       | 0.00        | 831,386           | 8,313,860               | 9.95%         |
| Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết | 2,766,542          | 27,665,420              | 33.12        |                    | -                       | 0.00        | 2,766,542         | 27,665,420              | 33.12%        |
| Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết     | 747,343            | 7,473,430               | 8.95         | 13,450             | 134,500                 | 0.16        | 760,793           | 7,607,930               | 9.11%         |



***Văn phòng - Head office:***

*Add: 1B Hoang Dieu St., Ward 13, Dist. 4, HoChiMinh City, Vietnam.*

*Tel: (84.8) 3825 3009 - Fax: (84.8) 3826 6593*

*Email: [info@sotrans.com.vn](mailto:info@sotrans.com.vn) - Website: [www.sotrans.com.vn](http://www.sotrans.com.vn)*